

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CHĂN NUÔI P&Y



TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH VÀ ĐỀ KHÁNG KHÁNG SINH CỦA VI KHUẨN TRÊN HEO VÀ TRÊN GIA CẦM

Người báo cáo:

ThS. Nguyễn Thị Phương Bình

TP Hồ Chí Minh, Ngày 23 tháng 09 năm 2025

Nội dung

Phần 1	Giới thiệu về Công Ty TNHH Dịch Vụ Chăn Nuôi P&Y
Phần 2	Tình hình dịch bệnh vi khuẩn trên heo
Phần 3	Tình hình dịch bệnh vi khuẩn trên gia cầm
Phần 4	Đề kháng kháng sinh của vi khuẩn trên heo và gia cầm

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CHĂN NUÔI P&Y

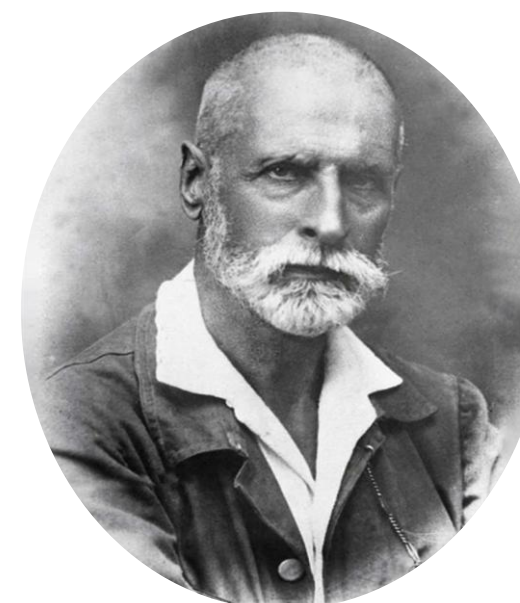


Tên gọi của Công Ty “P&Y”, được ghép từ chữ đầu của **Louis Pasteur** và **Alexandre Yersin**, 2 nhà khoa học nổi tiếng trong lĩnh vực vi sinh vật học và sự cống hiến cho nhân loại.



LOUIS PASTEUR

27/12/1822 – 28/09/1895



ALEXANDRE YERSIN

22/09/1863 – 01/03/1943

➤ *P&Y được thành lập vào năm 2021.*

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CHĂN NUÔI P&Y

4



Phục vụ tốt nhất - Giải pháp tốt nhất - Thành công cao nhất

Tận tâm - Trung thực - Trách nhiệm



NĂNG LỰC

1 Nhân sự

- ✓ 12 nhân sự với trình độ chuyên môn cao, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xét nghiệm thú y.



2 Chuyên môn

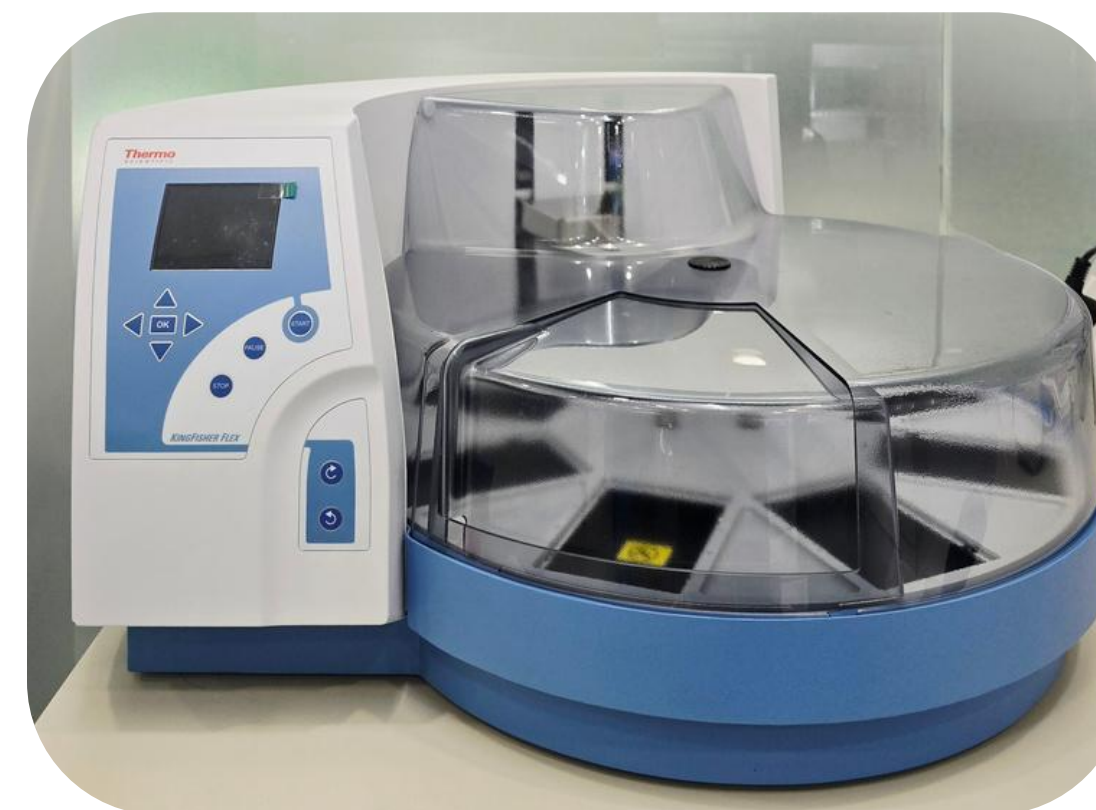
- ✓ Chuyên gia tư vấn kỹ thuật.
- ✓ Tư vấn, tập huấn hướng dẫn lấy mẫu, tư vấn đọc kết quả và khuyến cáo xử lý điều trị.



NĂNG LỰC

3 Cơ sở vật chất

- ✓ P&Y Lab có 12 phòng chức năng.
- ✓ Trang thiết bị hiện đại



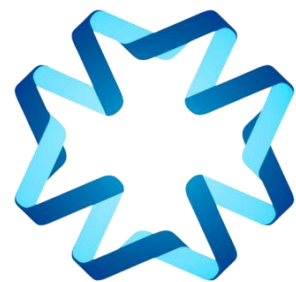
NĂNG LỰC

4

Kit test

✓ Kit ELISA, Realtime PCR với các hãng lớn, uy tín

IDEXX
LABORATORIES



MEDIAN
Diagnostics

INDICAL
BIOSCIENCE

**GOLD
STANDARD
DIAGNOSTICS**

Thermo
SCIENTIFIC

 **BioChek**
SMART VETERINARY DIAGNOSTICS

 **ID** Diagnostics
Innovative

5

Các chứng chỉ đạt được

- ✓ Chứng nhận ISO 17025: 2017
- ✓ Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo nghị định 107.



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44 /GCN-BKHCN

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1378/QĐ-BKHCN ngày 21/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ủy quyền cho Quyền Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ký các văn bản giải quyết thủ tục hành chính về hoạt động đánh giá sự phù hợp; xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý chất lượng và Đánh giá sự phù hợp thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận:

1. Công ty TNHH Dịch vụ Chăn nuôi P&Y

Địa chỉ: 91/16 Dương Văn Cam, Phường Linh Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ Phòng thử nghiệm: 1176B Đường Phạm Văn Đồng, Phường Linh Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 66752679 - Email: pylab2021@gmail.com.

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học và Sinh học** (đối với các sản phẩm, hàng hóa trong Phụ lục danh mục kèm theo).

2. Số đăng ký: 840/TN-TDC.

3. Giấy chứng nhận có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Dịch vụ Chăn nuôi P&Y;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định (để b/c);
- Lưu: VT, TDC.

TUQ. BỘ TRƯỞNG
Q. CHỦ TỊCH
ỦY BAN TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

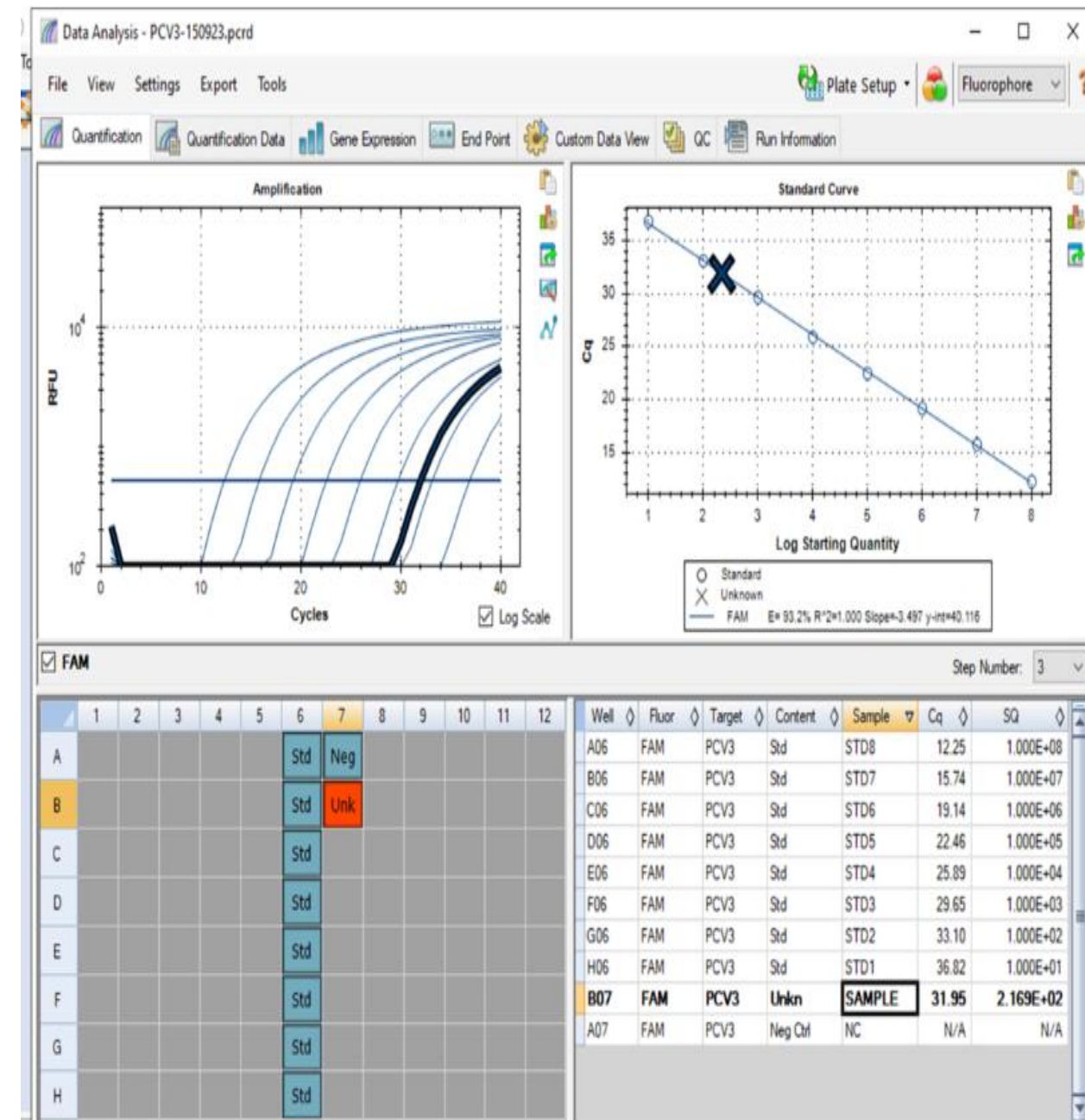


Xét nghiệm Real-time PCR và PCR

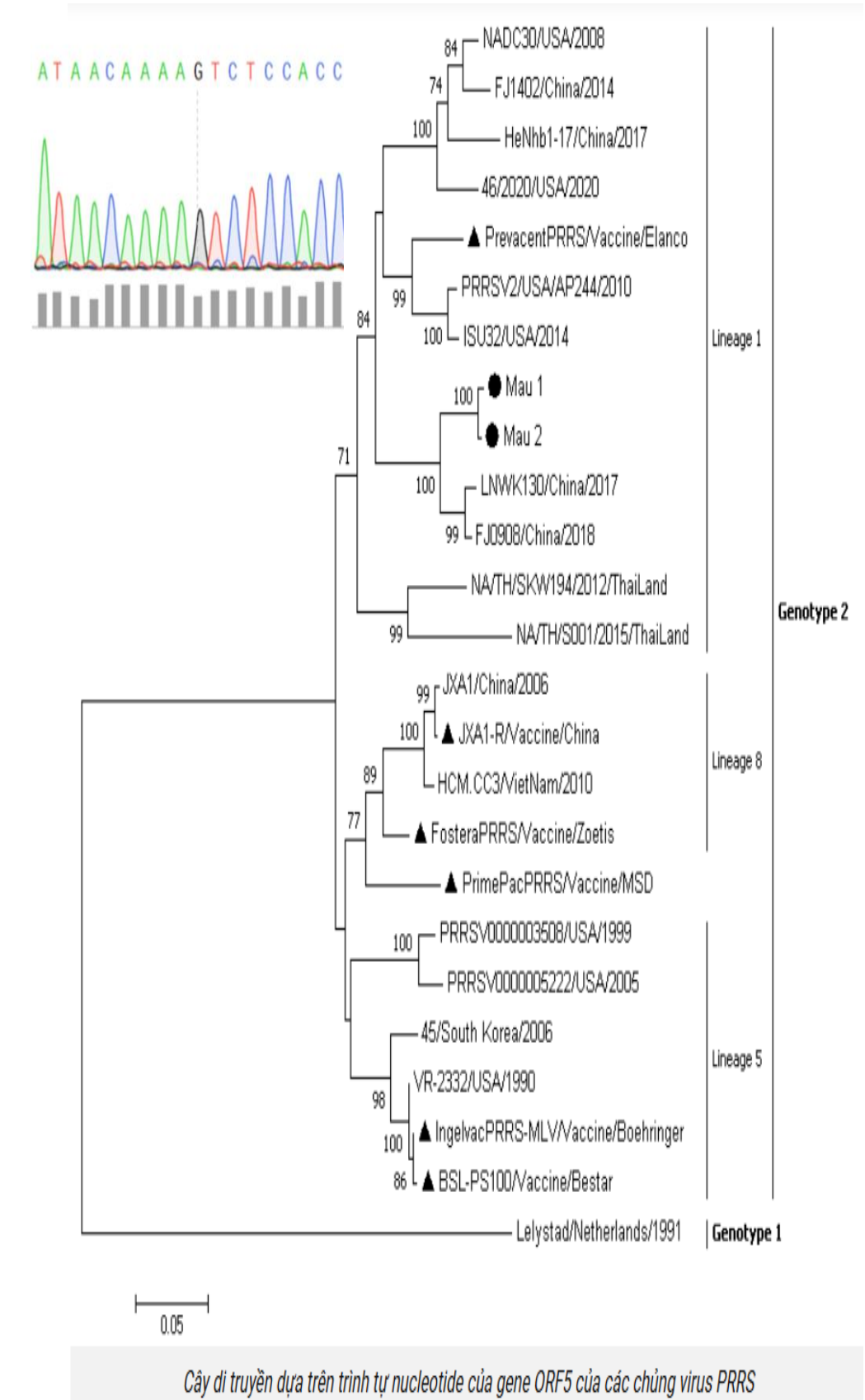
9



Hệ thống máy Real-time PCR & PCR



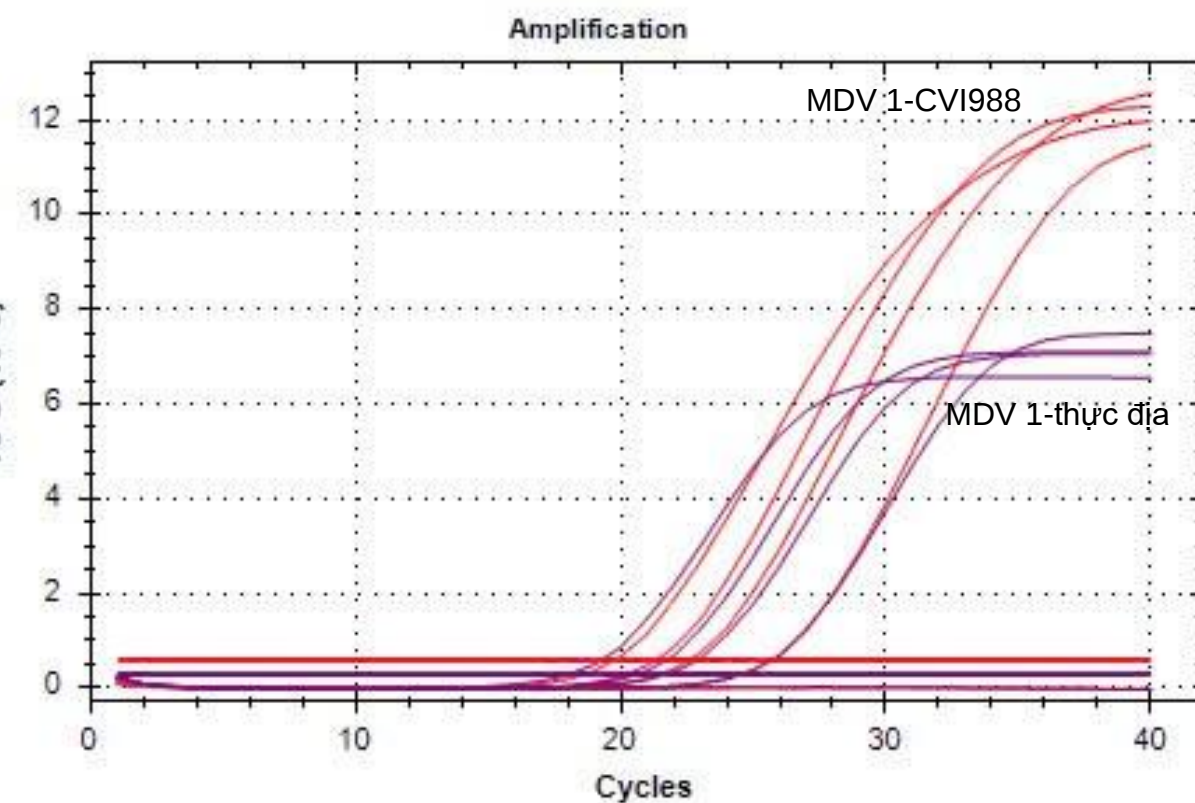
Định lượng virus



Phân tích di truyền



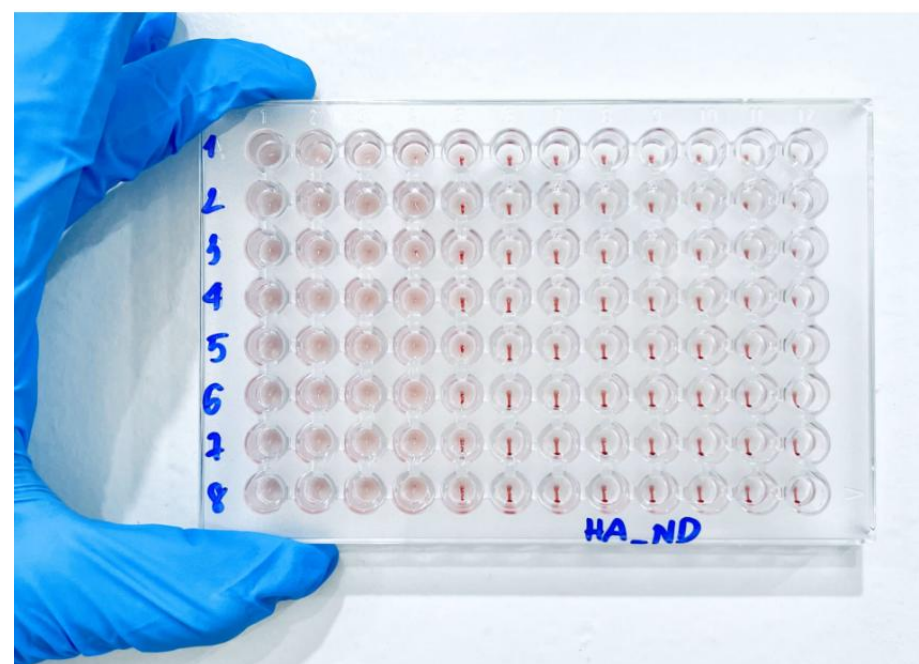
Phân biệt chủng virus vaccine và thực địa



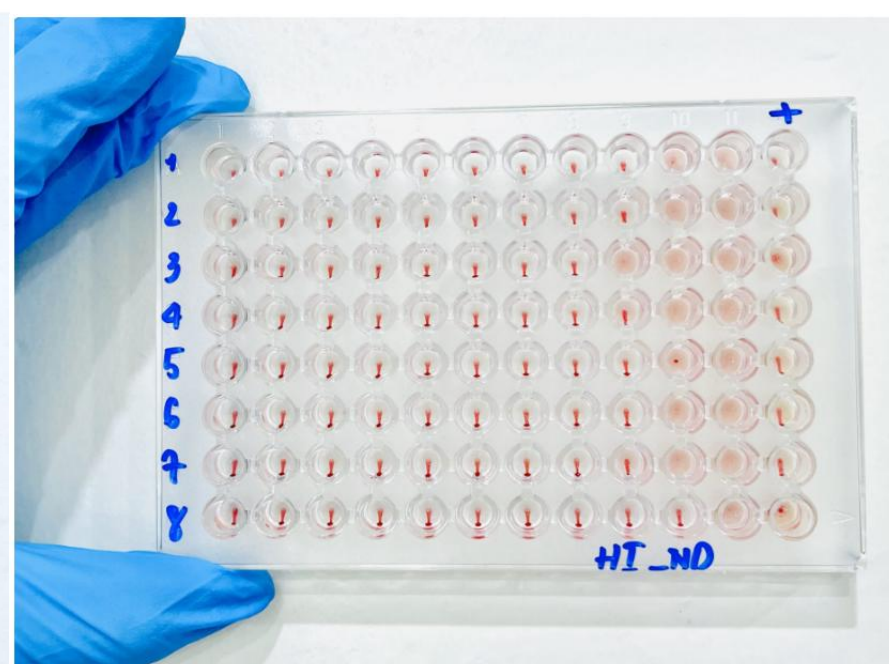
Phương pháp ELISA



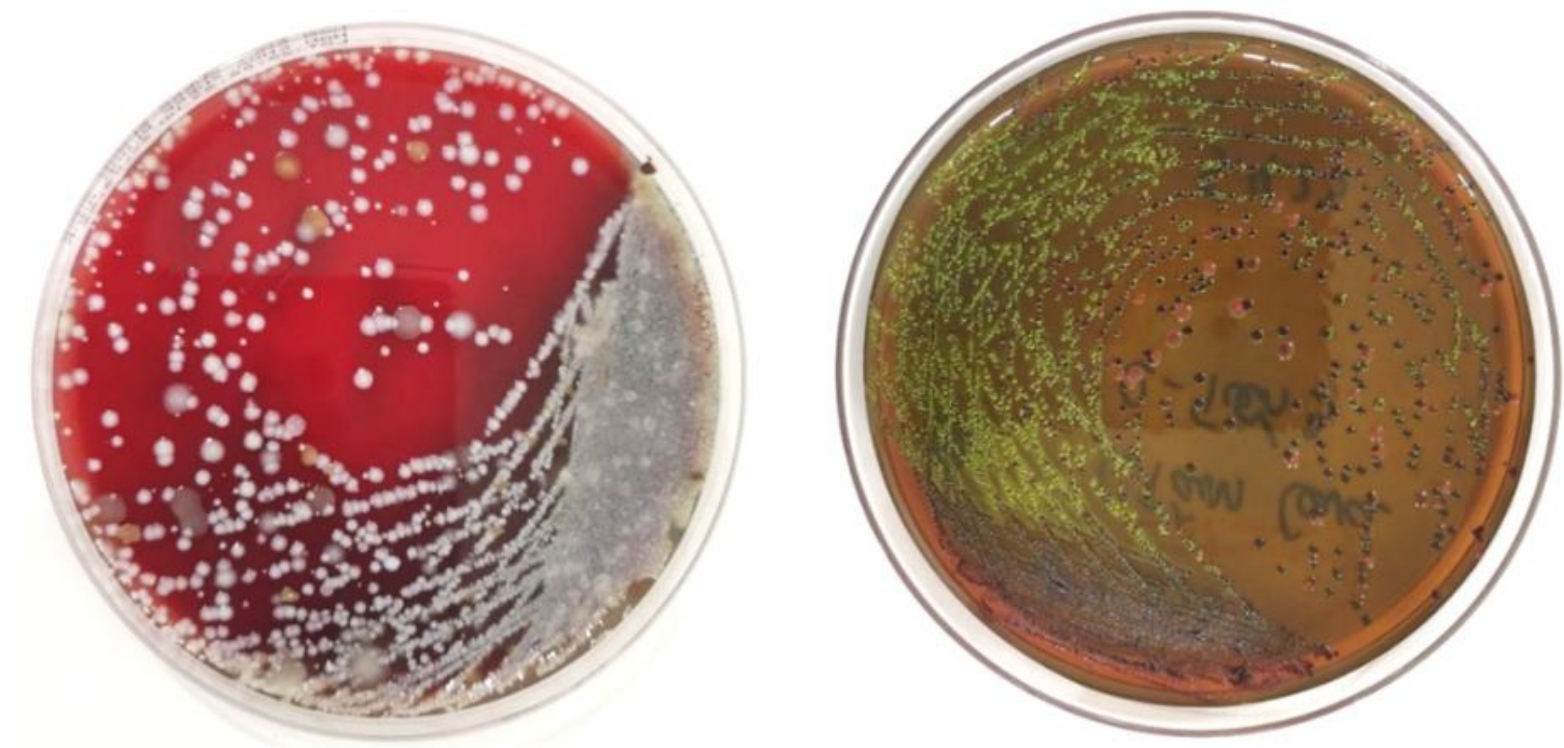
Phương pháp HA - HI



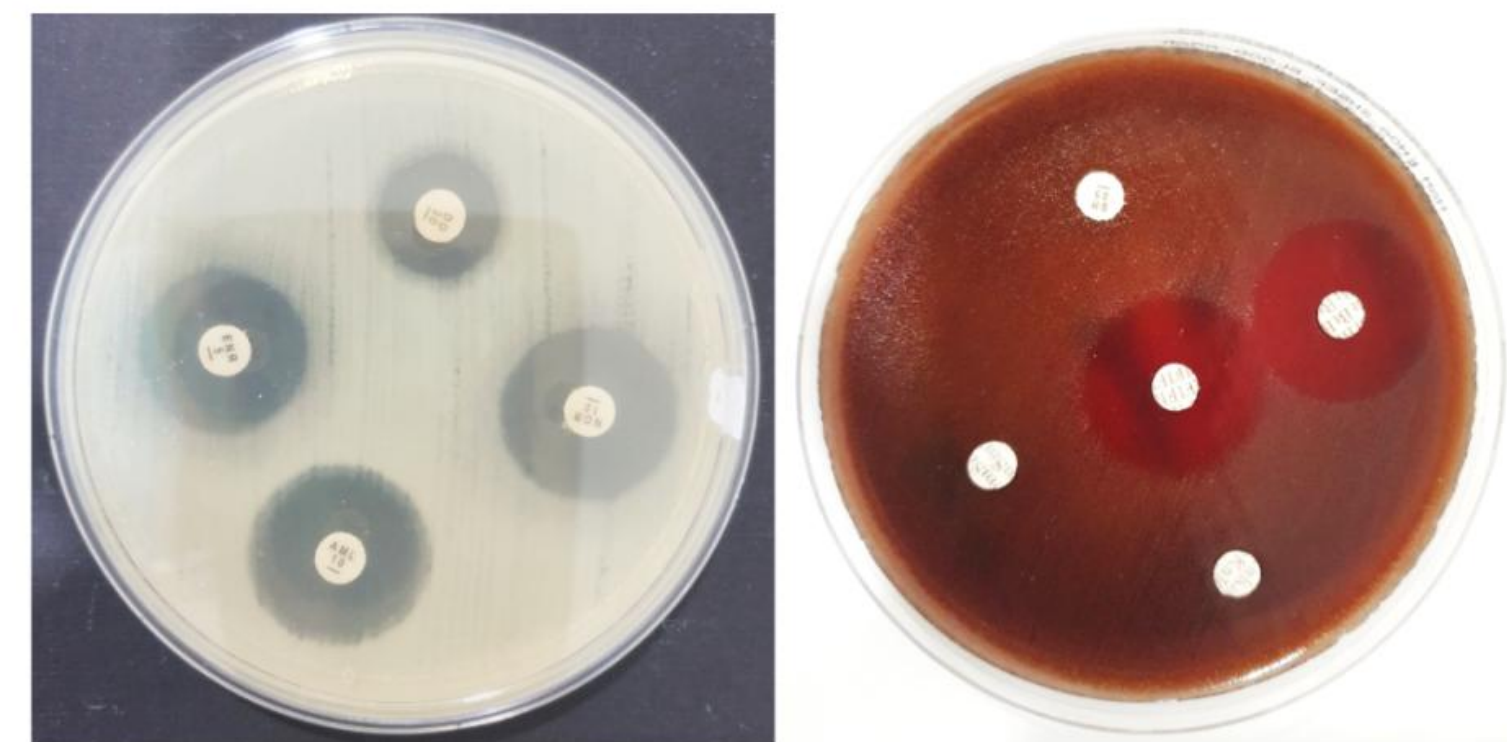
Phản ứng HA



Phản ứng HI



Ủ ấm đĩa thạch trong điều kiện thích hợp. Đọc kết quả sau 24h



Kháng sinh đồ xác định mức độ nhạy cảm của kháng sinh đối với vi khuẩn

STT	Đối tượng	Phương pháp	Tên chỉ tiêu
1	Heo	Real-time PCR	Phát hiện Porcine Circovirus Type 2, 3, 4 (PCV2, PCV3, PCV4)
2	Heo	Real-time PCR	Phát hiện Porcine Circovirus Type 4 (PCV4)
3	Heo	PCR	Phát hiện <i>Actinobacillus pleunopneumoniae</i> (APP) serotype 2, 5, 6, 7, 8, 9/11, 12, 13, 18
4	Heo	PCR	Phát hiện <i>E.coli</i> F4, F5, F6, F18, F41, STa, STb, LT, STx2e
5	Heo	PCR	Phát hiện <i>Clostridium novyi</i> type A, B
6	Heo, Gia cầm	PCR	Phát hiện <i>Clostridium perfringens</i> type A, B, C, D, E
7	Heo, Gia cầm	PCR	Phát hiện <i>Pasteurella multocida</i> type A, D
8	Thủy cầm	Real-time PCR	Phát hiện Waterfowl Parvovirus - Parvovirus thủy cầm
9	Thủy cầm	Real-time PCR	Định chủng Waterfowl Parvovirus (Muscovy duck parvovirus và Goose parvovirus)
10	Gà	PCR	Phát hiện Fowl Adenovirus (FAdV)

PHƯƠNG PHÁP



CLSI (2022). Performance Standards for Antimicrobial Susceptibility Testing, M100. 32nd Edition. Clinical and Laboratory Standards Institute, Wayne, PA.

Bảng 1. Danh sách kháng sinh sử dụng trong test kháng sinh đồ

STT	Tên kháng sinh	Nồng độ	Kí hiệu
1	Bacitracin	10 UI	Ba
2	Penicillin	10 UI	Pen
3	Ampicillin	10 µg	Amp
4	Amoxicillin/acid clavulanic	20/10 µg	AMC
5	Streptomycin	10 µg	Sm
6	Kanamycin	30 µg	Kn
7	Neomycin	30 µg	Neo
8	Gentamycin	10 µg	Gen
9	Erythromycin	15 µg	Ery
10	Doxycycline	30 µg	Dx
11	Colistin	10 µg	Co
12	Sulfamethoxazole/Trimethoprim	23,75/1,25µg	Bt
13	Norfloxacin	10 µg	Nor
14	Amoxicillin	20 µg	Ax
15	Florfenicol	30 µg	FFC
16	Enrofloxacin	5 µg	Enr
17	Ceftiofur	30 µg	EFT
18	Tilmicosin	15 µg	Til
19	Oxytetracycline	30 µg	OT
20	Spectinomycin	25 µg	Sh
21	Tetracycline	30 µg	Te
22	Apramycin	15 µg	Apr
23	Azithromycin	15 µg	Azi
24	Lincomycin	2 µg	My
25	Tylosin	15 mcg	Ty

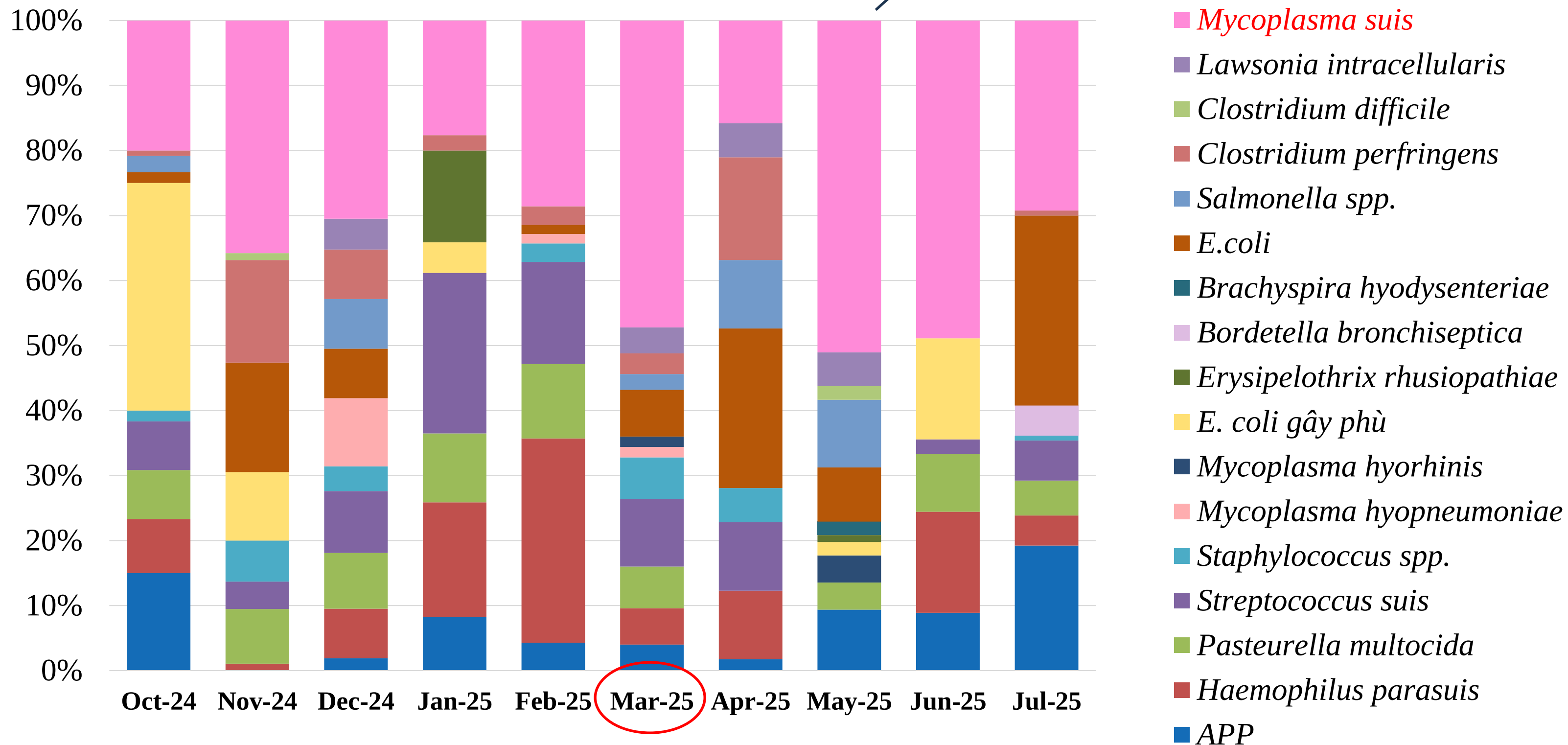
TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH DO VI KHUẨN TRÊN HEO

Tổng số mẫu test phân lập và PCR vi khuẩn trên heo, n = 928

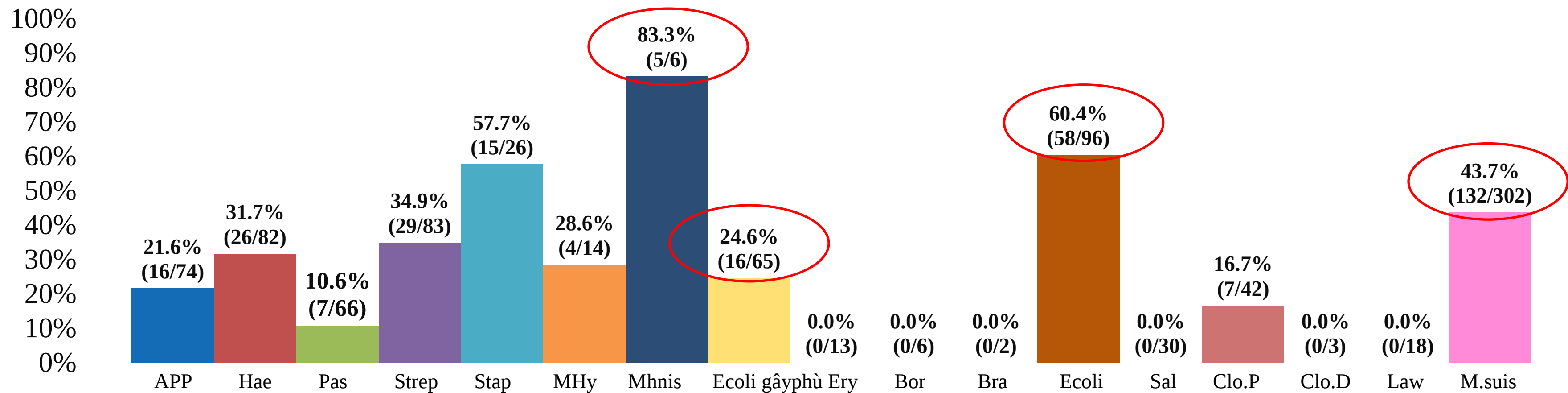
STT	Tên	Loại mẫu	Tổng số mẫu	Tỉ lệ (%)
1	<i>APP</i>	Phổi, dịch mũi, dịch khớp, máu	74	8,0%
2	<i>Haemophilus parasuis</i>	Phổi, dịch khớp, máu đông, dịch xoang bao tim, dịch xoang ngực, swab dịch mũi, dịch hầu họng	82	8,8%
3	<i>Pasteurella multocida</i>	Phổi, dịch mũi, swab, máu	66	7,1%
4	<i>Streptococcus suis</i>	Mô (Não, phổi, tim, gan, hạch, lách, thận), amidan, dịch khớp, máu, dịch viêm tử cung, dịch viêm hầu họng, dịch viêm xoang tim, dịch viêm xoang ngực	83	8,9%
5	<i>Staphylococcus spp.</i>	Dịch viêm da, dịch viêm tử cung, phổi	26	2,8%
6	<i>Mycoplasma hyopneumoniae</i>	Phổi	14	1,5%
7	<i>Mycoplasma hyorhinis</i>	Phổi, dịch mũi	6	0,6%
8	<i>E. coli</i> gây phù	Phân, ruột	65	7,0%
9	<i>Erysipelothrix rhusiopathiae</i>	Máu, mô (phổi, lách)	13	1,4%
10	<i>Bordetella bronchiseptica</i>	Máu, mô (tim, phổi, lách)	6	0,6%
11	<i>Brachyspira hyodysenteriae</i>	Phân	2	0,2%
12	<i>E.coli</i>	Phân, ruột, swab dịch viêm tử cung	96	10,3%
13	<i>Salmonella spp.</i>	Phân, ruột	30	3,2%
14	<i>Clostridium perfringens</i>	Phân, ruột	42	4,5%
15	<i>Clostridium difficile</i>	Phân	3	0,3%
16	<i>Lawsonia intracellularis</i>	Phân, ruột	18	1,9%
17	<i>Mycoplasma suis</i>	Máu kháng đông, Mô (phổi, hạch, lách, thận, não), cuống rốn, dịch khớp, thai sẩy	302	32,5%
TỔNG			928	

Tỉ lệ % vi khuẩn phân lập và PCR, từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 7 năm 2025 trên heo

- *Mycoplasma suis* phân bố test mẫu đều qua các tháng từ T10/24 -> T7/25.
- T3/25 có sự phân bố test mẫu nhiều loại vi khuẩn nhất, với 12/17 loại vi khuẩn.



Tỉ lệ % dương tính phân lập và PCR trên từng loại vi khuẩn, trên heo



■ APP

■ Streptococcus suis

■ *Mycoplasma hyorhinis*

■ Bordetella bronchiseptica

■ Salmonella spp.

■ Lawsonia intracellularis

■ Haemophilus parasuis

■ Staphylococcus spp.

■ *E. coli* gây phù

■ Brachyspira hyodysenteriae

■ Clostridium perfringens

■ *Mycoplasma suis*

■ Pasteurella multocida

■ Mycoplasma hyopneumoniae

■ Erysipelothrix rhusiopathiae

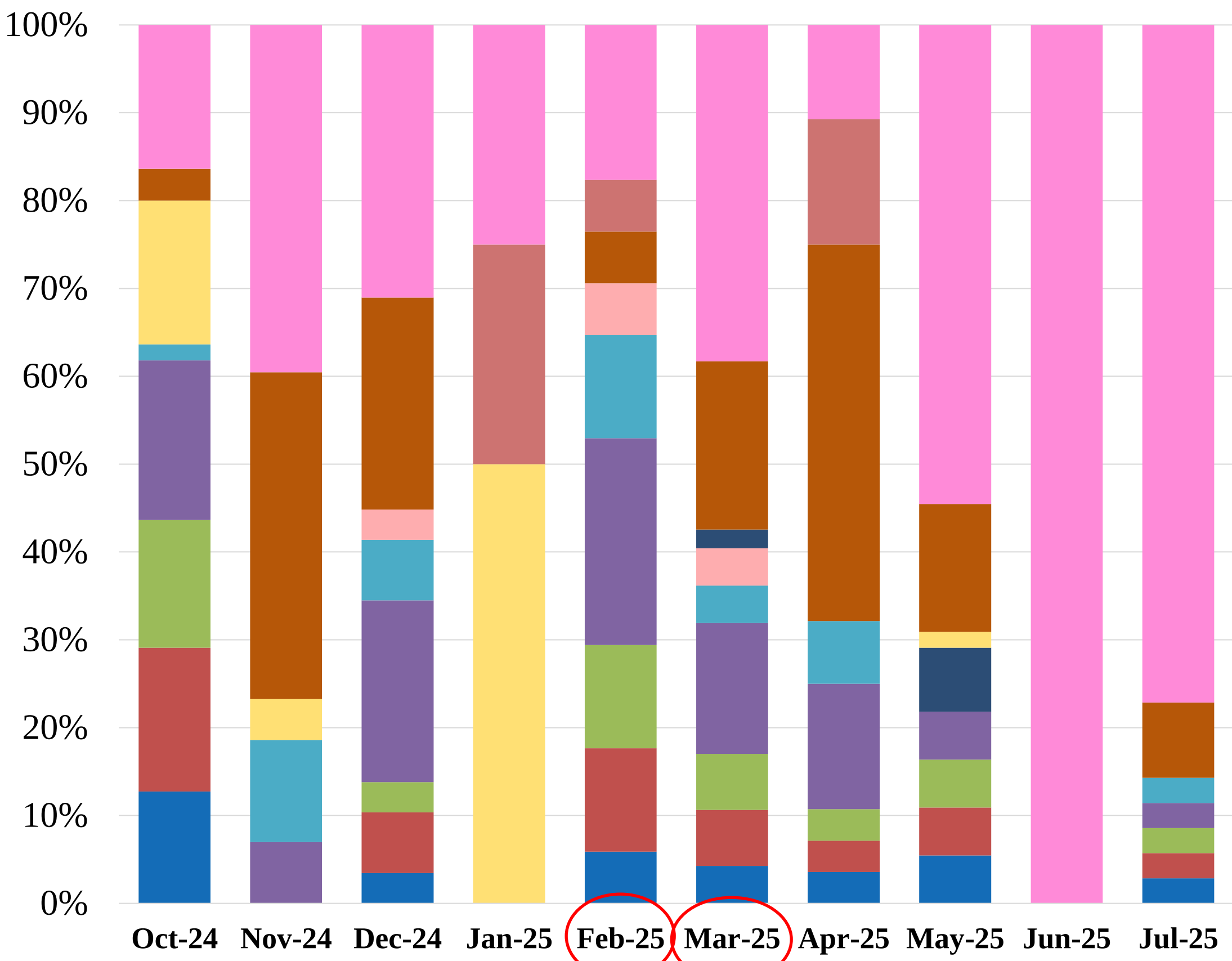
■ *E.coli*

■ Clostridium difficile

Tỉ lệ % vi khuẩn dương tính phân lập và PCR, từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 7 năm 2025 trên heo

➤ *Mycoplasma suis*: mẫu (+) phân bố đều qua các tháng T10/24 -> T7/25

➤ Tháng 2/25 và T3/25: phân bố loại vi khuẩn (+) nhiều nhất : 8/17 loại vi khuẩn



- Mycoplasma suis*
- Lawsonia intracellularis*
- Clostridium difficile*
- Clostridium perfringens*
- Salmonella spp.*
- E.coli*
- Brachyspira hyodysenteriae*
- Bordetella bronchiseptica*
- Erysipelothrix rhusiopathiae*
- E. coli* gây phù
- Mycoplasma hyorhinis*
- Mycoplasma hyopneumoniae*
- Staphylococcus spp.*
- Streptococcus suis*
- Pasteurella multocida*
- Haemophilus parasuis*
- APP



Tình hình dịch bệnh *APP* – trên heo (theo loại mẫu)

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Phổi	55	16	29,09%
Dịch mũi	5	0	0,00%
Dịch khớp	3	0	0,00%
Máu đông	4	0	0,00%
Tổng	67	16	23,88%

Loại mẫu (Phân lập vi khuẩn)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Phổi	6	0	0%
Swab	1	0	0%
Tổng	7	0	0%

Tình hình dịch bệnh *Haemophilus parasuis* – trên heo (theo loại mẫu)

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Phổi	35	21	60,00%
Máu đông	5	0	0,00%
Dịch khớp	2	0	0,00%
Tổng	42	21	50,00%

Loại mẫu (Phân lập)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Phổi	31	5	16,13%
Dịch khớp	2	0	0,00%
Dịch xoang bao tim, xoang ngực	1	0	0,00%
Swab dịch mũi, dịch hầu họng	6	0	0,00%
Tổng	40	5	12,50%

Tình hình dịch bệnh *Pasteurella multocida* – trên heo (theo loại mẫu)

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Phổi	14	2	14,29%
Dịch mũi	8	1	12,50%
Swab	15	1	6,67%
Máu	9	0	0,00%
Tổng	46	4	8,70%

Loại mẫu (Phân lập)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Phổi	15	2	13,33%
Dịch mũi, dịch hầu họng	5	1	20,00%
Tổng	20	3	15,00%

Tình hình dịch bệnh *Streptococcus* – trên heo (theo loại mẫu)

Loại mẫu (PCR) – <i>Streptococcus suis</i>	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Mô (Não, phổi, tim, gan, hạch, lách, thận)	25	5	20,00%
Amidan	2	2	100,00%
Dịch khớp	2	0	0,00%
Máu	7	0	0,00%
Tổng	36	7	19,44%

Loại mẫu (Phân lập) – <i>Streptococcus</i> spp.	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Phổi	29	13	44,83%
Dịch tử cung	5	4	80,00%
Swab dịch viêm (dịch khớp, dịch hầu họng, dịch xoang tim, xoang ngực)	13	5	38,46%
Tổng	47	22	46,81%

Tình hình dịch bệnh *Mycoplasma hyopneumoniae* trên heo (theo loại mẫu)

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Phổi	14	4	28,57 %

Tình hình dịch bệnh *Mycoplasma hyorhinis* trên heo (theo loại mẫu)

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Phổi	2	1	50,00%
Dịch mũi	4	4	100,00%
Tổng	6	5	83,33%

Tình hình dịch bệnh *Mycoplasma suis* trên heo (theo loại mẫu)

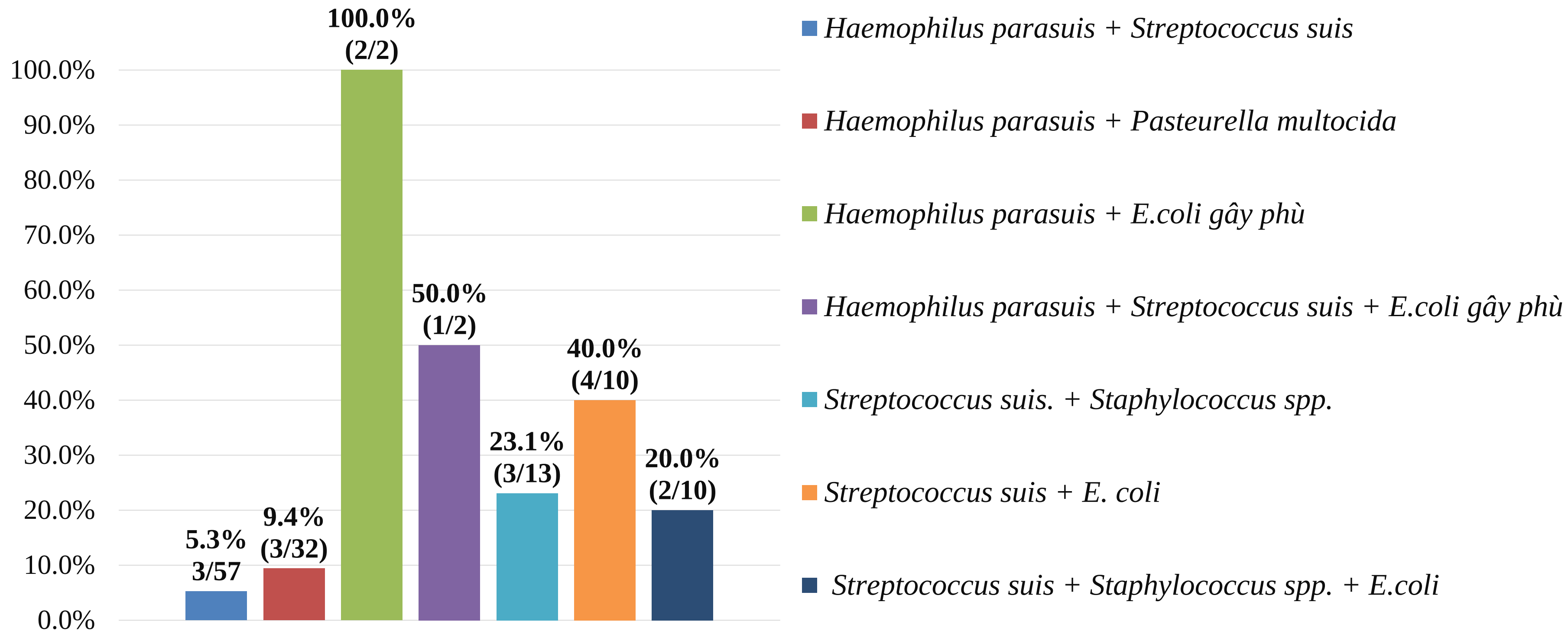
Loại mẫu (Realtime PCR)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Máu kháng đông	279	132	47,31%
Mô (phổi, hạch, lách, thận, não)	15	0	0,00%
Cuống rốn	3	0	0,00%
Dịch khớp	2	0	0,00%
Thai sẩy	3	0	0,00%
Tổng	302	132	43,71%

Tình hình dịch bệnh *E. coli* trên heo (theo loại mẫu)

Loại mẫu (PCR) – <i>E. coli</i> gây phù	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Phân	53	11	20,75%
Ruột	12	5	41,67%
Tổng	65	16	24,62%

Loại mẫu (phân lập) – <i>E. coli</i> tiêu chảy, nhiễm trùng đường tiết niệu	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Phân	35	33	94,29%
Ruột	14	14	100,00%
Dịch tử cung	6	6	100,00%
Swab dịch viêm	4	3	75,00%
Swab	37	2	5,41%
Tổng	96	58	60,42%

Tình hình nhiễm ghép vi khuẩn trên heo



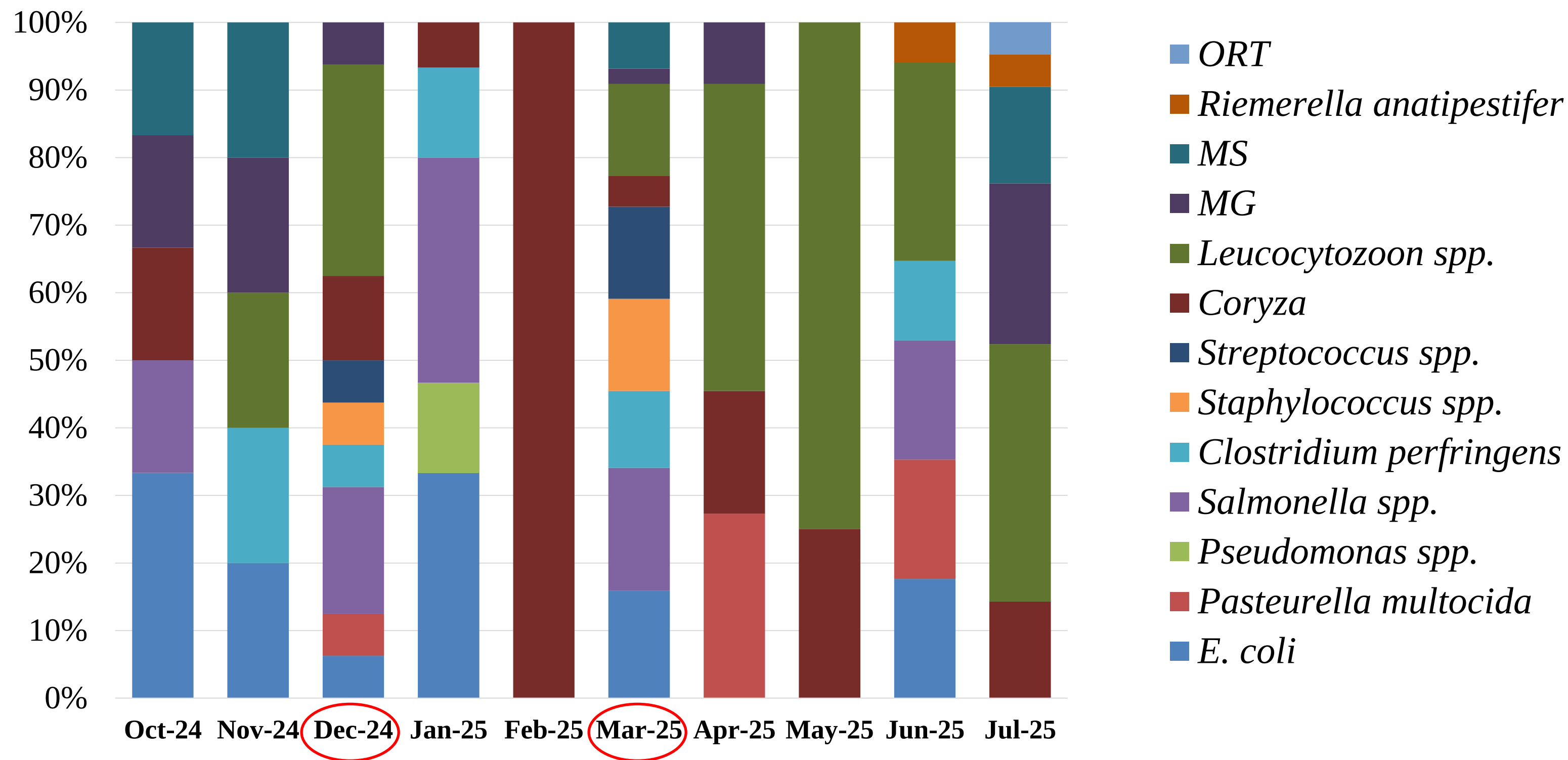
TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH DO VI KHUẨN TRÊN GIA CẦM

Tổng số mẫu test phân lập và PCR vi khuẩn trên gia cầm, n = 145

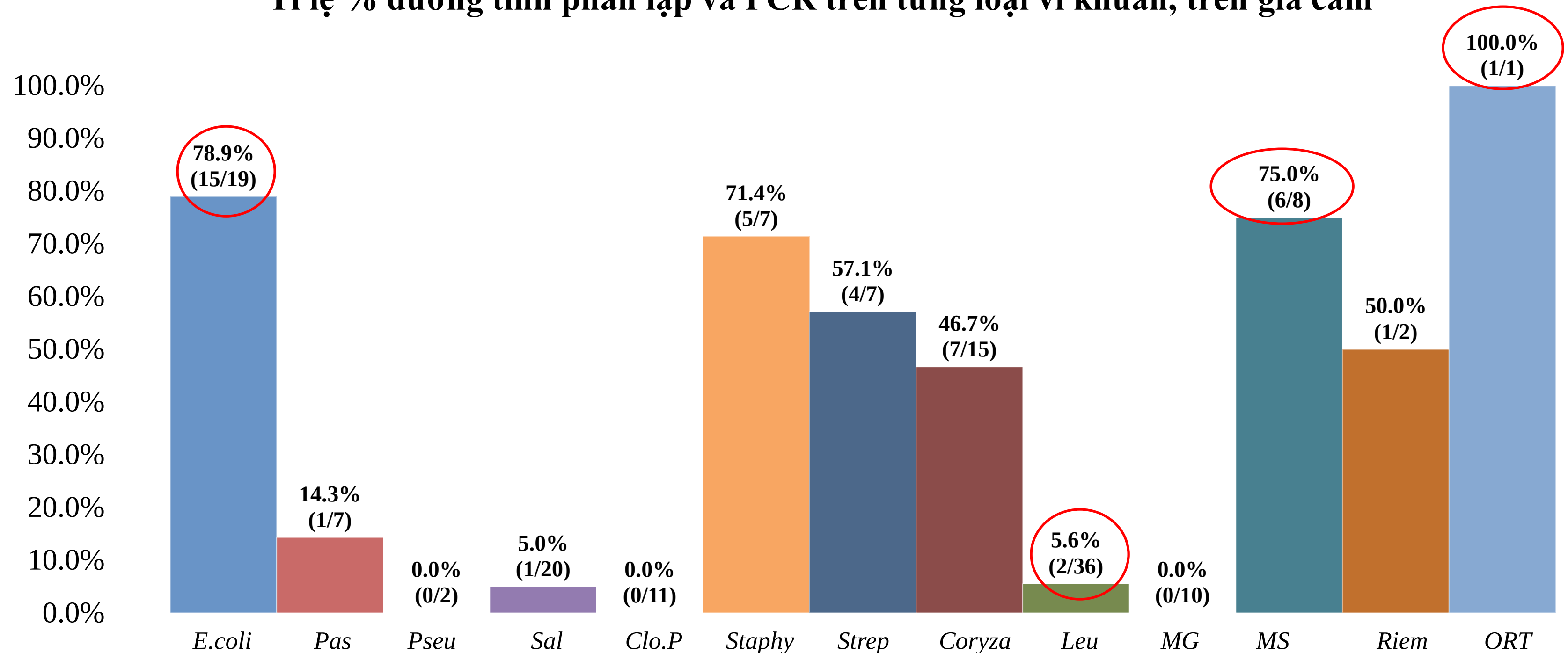
STT	Tên vi khuẩn	Loại mẫu	Tổng số mẫu	Tỉ lệ %
1	<i>E. coli</i>	Mô (Gan, phổi, tim), Túi lòng đỏ	19	13,1%
2	<i>Pasteurella multocida</i>	Mô (phổi, tim)	7	4,8%
3	<i>Pseudomonas</i> spp.	Túi lòng đỏ	2	1,4%
4	<i>Salmonella</i> spp.	Mô (gan, ruột, phổi , tim ,lòng đỏ)	20	13,8%
5	<i>Clostridium perfringens</i>	Gan, ruột	11	7,6%
6	<i>Staphylococcus</i> spp.	Mô (gan, ruột, phổi, tim, lòng đỏ, lách, thận), dịch khớp	7	4,8%
7	<i>Streptococcus</i> spp.	Mô (gan, ruột, phổi, tim, lòng đỏ, lách, thận), dịch khớp	7	4,8%
8	<i>Coryza</i>	Dịch mũi, khí quản	15	10,3%
9	<i>Leucocytozoon</i> spp.	Mô (Gan, tim, phổi, lách, thận, dạ dày tuyến, ngã ba van hồi manh tràng), máu kháng đông	36	24,8%
10	<i>Mycoplasma gallisepticum</i> (MG)	Mô (Phổi, khí quan, gan, tim, lách), dịch khớp	10	6,9%
11	<i>Mycoplasma synoviae</i> (MS)	Mô (Phổi, khí quan, gan, tim, lách, túi khí), dịch khớp	8	5,5%
12	<i>Riemerella anatipestifer</i>	Mô (Tim, phổi, gan, lách)	2	1,4%
13	ORT	Khí quản, phổi, túi khí	1	0,7%
Tổng cộng			145	

**Tỉ lệ % vi khuẩn phân lập và PCR, từ tháng 10 năm 2024
đến tháng 7 năm 2025 trên gia cầm**

➤ T12/24 và T3/25 : phân bố nhiều loại vi khuẩn nhất, với 9/13 loại.



Tỉ lệ % dương tính phân lập và PCR trên từng loại vi khuẩn, trên gia cầm



■ ***E. coli***

■ *Salmonella spp.*

■ *Streptococcus spp.*

■ *MG*

■ ***ORT***

■ *Pasteurella multocida*

■ *Clostridium perfringens*

■ *Coryza*

■ ***MS***

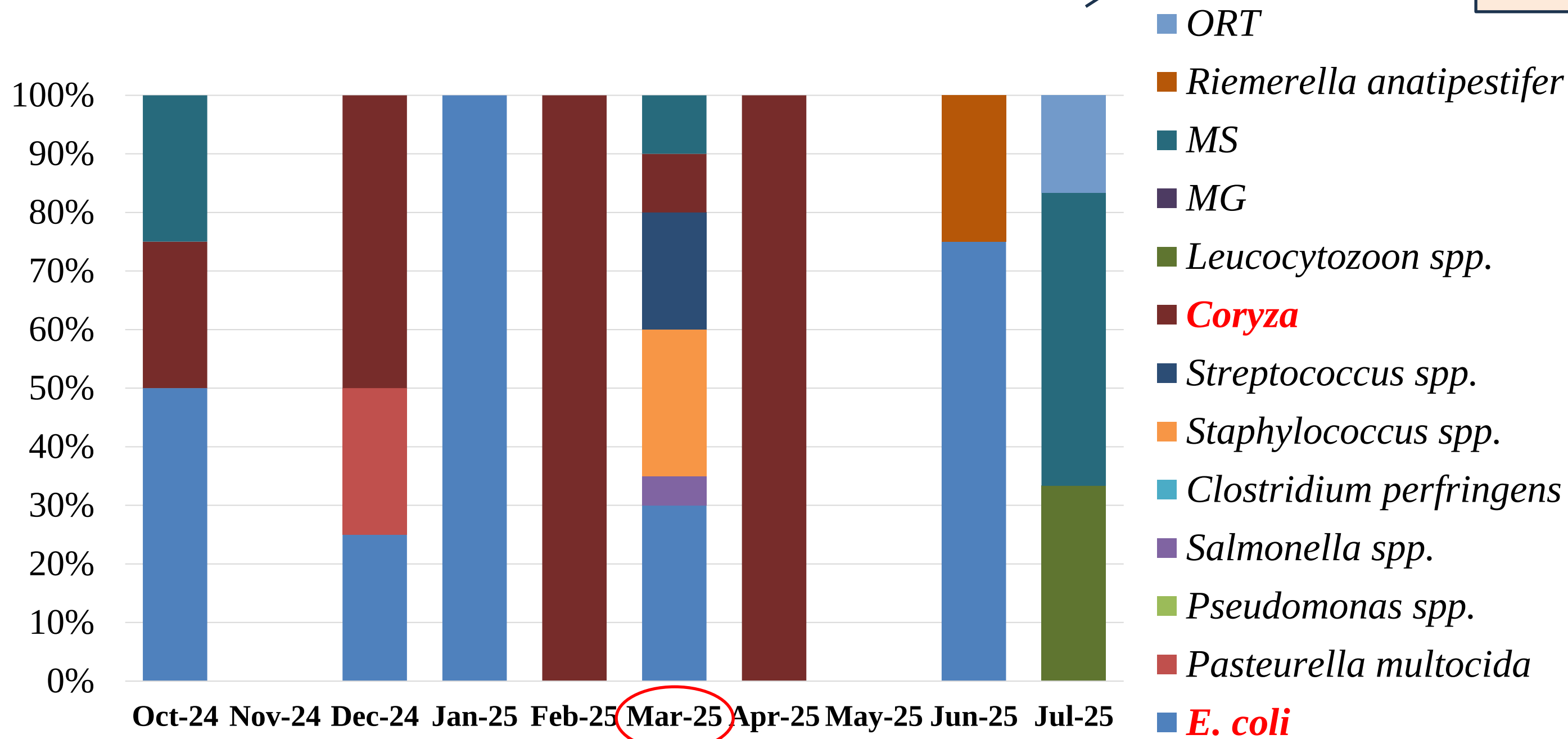
■ *Pseudomonas spp.*

■ *Staphylococcus spp.*

■ *Leucocytozoon spp.*

■ *Riemerella anatipestifer*

**Tỉ lệ % vi khuẩn dương tính phân lập và PCR,
từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 7 năm 2025 trên gia cầm**



- T3/25 : phân bố loại vi khuẩn (+) nhiều nhất : 6/13 loại vi khuẩn.
➤ *E.coli* và *Coryza* hiện diện nhiều nhất 5/10 tháng.

Tình hình dịch bệnh *E.coli* trên gia cầm (theo loại mẫu)

Loại mẫu (phân lập)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Mô (Gan, phổi, tim)	18	14	77,78%
Túi lòng đỏ	1	1	100,00%
Tổng	19	15	78,95%

Tình hình dịch bệnh *Coryza* trên gia cầm (theo loại mẫu)

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Dịch mũi, khí quản	15	7	46,70%

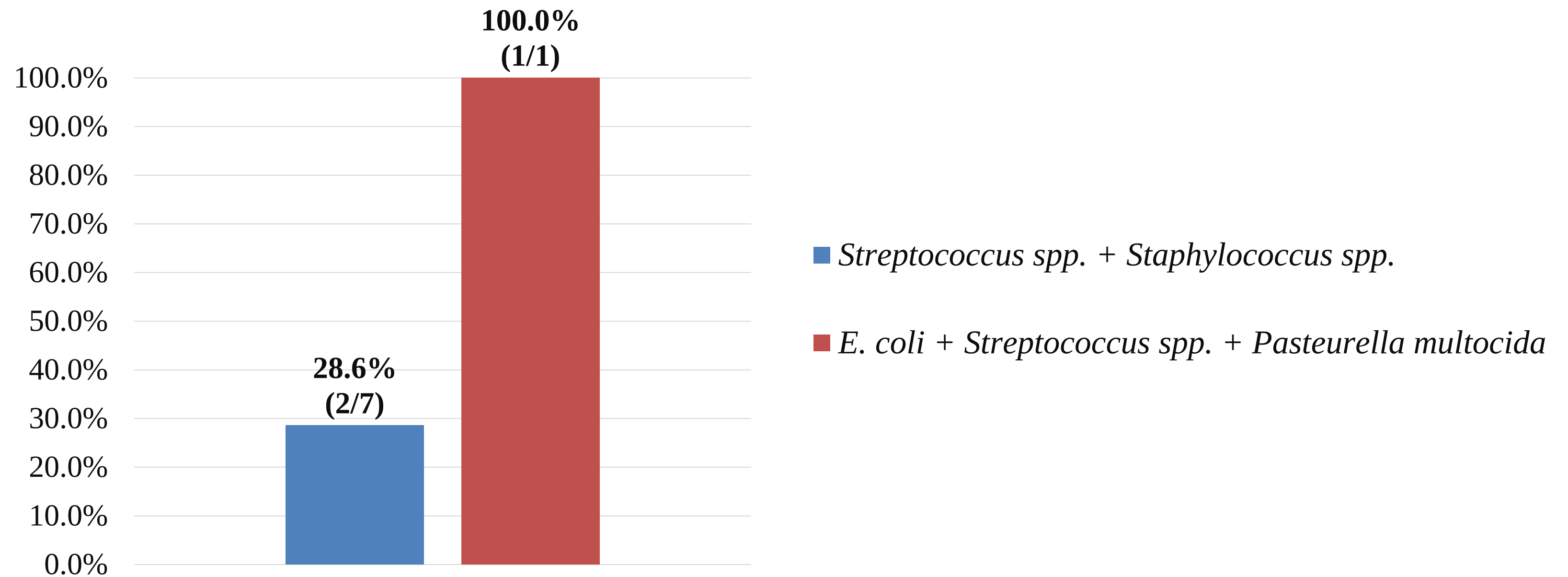
Tình hình dịch bệnh *Mycoplasma synoviae* (MS) trên gia cầm (theo loại mẫu)

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Mô (Phổi, khí quản, gan, lách, dịch khớp)	8	6	75,00%

Tình hình dịch bệnh *Leucocytozoon* spp. trên gia cầm (theo loại mẫu)

Loại mẫu (PCR)	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu (+)	Tỉ lệ mẫu (+)
Máu	4	0	0,0%
Mô (Gan, tim, phổi, lách, thận, dạ dày tuyến, ngã ba van hồi manh tràng)	32	2	6,25%
Tổng	36	2	5,56%

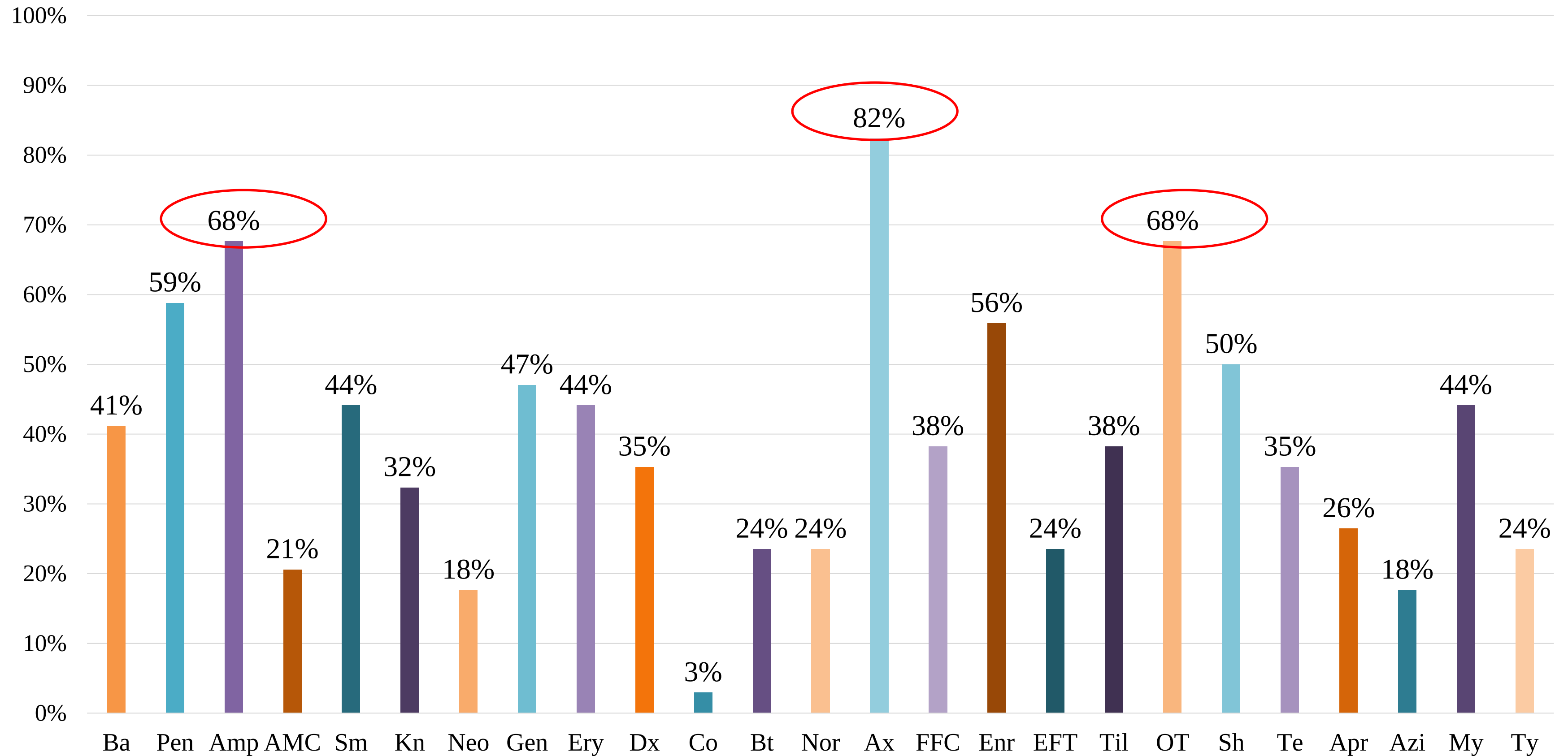
Tình hình nhiễm ghép vi khuẩn trên gia cầm



ĐỀ KHÁNG KHÁNG SINH CỦA VI KHUẨN TRÊN HEO VÀ GIA CẦM

ĐỀ KHÁNG KHÁNG SINH CỦA VI KHUẨN TRÊN HEO

Tỷ lệ đề kháng sinh của *E.coli* trên heo

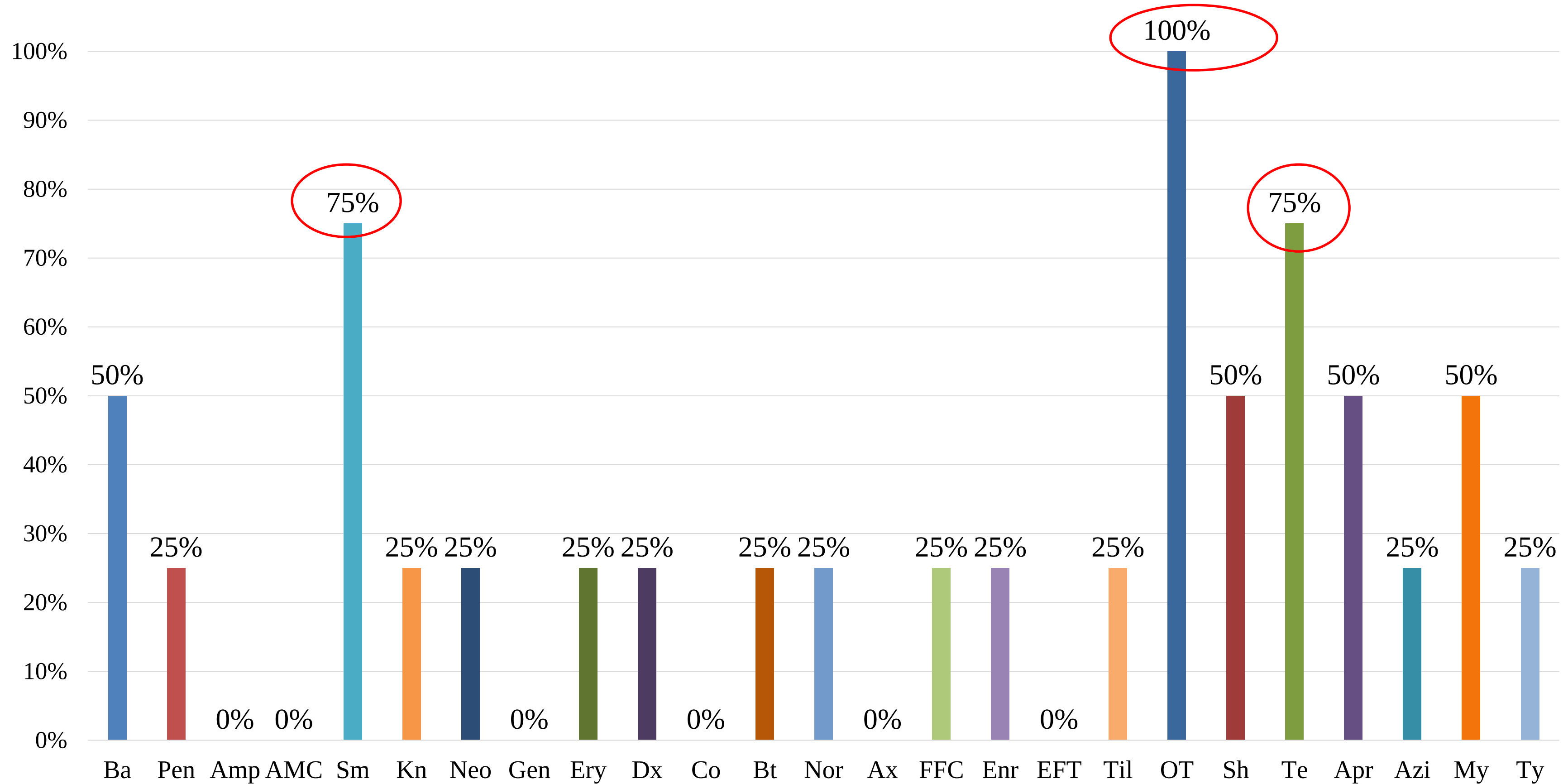


Kiểu kháng đa kháng sinh của *E.coli* trên heo

Số kháng sinh đa kháng	Kiểu hình đa kháng	Số kiểu đa kháng	Số chủng đề kháng	Tỉ lệ (%)
2	Pen+Ax	3	2	11.8
	Enr+Apr		1	
	Ax+Sh		1	
3	Amp+Ax+OT	2	1	5.9
	Sm+Ax+Sh		1	
4	Dx+FFC+OT+Te	3	1	11.8
	Amp+Ax+Enro+OT		2	
	Kn+Gen+Enro+OT		1	
5	Pen+Sm+Gen+Ax+Sh	2	2	11.8
	Amp+Kn+Gen+Ax+Enro		2	
6	Amp+Gen+Ax+Enro+EFT+OT	2	1	5.9
	Pen+Amp+Bt+OT+My+Ty		1	
7	Ba+Pen+Sm+Gen+Ery+FFC+OT	1	1	2.9
8	Amp+AMC+Kn+Gen+Ax+Enro+EFT+OT	2	3	11.8
	Pen+Amp+Sm+Ery+Dx+Ax+OT+My		1	
10	Ba+Sm+Kn+Ery+Nor+Enro+Til+Sh+My+Ty	1	1	2.9
13	Ba+Pen+Amp+Ery+Dx+Ax+FFC+Til+OT+Sh+Te+My+Tyl	1	1	2.9
15	Ba+Pen+Amp+Sm+Ery+Dx+Ax+FFC+Til+OT+Sh+Te+Apra+Azi+My	2	1	5.9
	Ba+Pen+Amp+Ery+Dx+Co+Ax+FFC+Til+OT+Sh+Te+Apra+Azi+My		1	
16	Ba+Pen+Amp+Sm+Ery+Dx+Nor+Ax+Enro+Til+OT+Sh+Te+Apra+My+Tyl	1	1	2.9
17	Ba+Pen+Amp+AMC+Kn+Neo+Gen+Ery+Bt+Nor+Ax+FFC+Enro+Til+Sh+My+Ty	2	1	5.9
	Ba+Pen+Amp+Sm+Neo+Ery+Dx+Bt+Ax+FFC+Til+OT+Sh+Te+Apra+My+Tyl		1	
18	Ba+Pen+Amp+AMC+Sm+Gen+Ery+Nor+Ax+FFC+Enro+EFT+Til+OT+Sh+Te+My+Tyl	1	1	2.9
19	Ba+Pen+Amp+Sm+Gen+Ery+Dx+Bt+Ax+FFC+Enro+EFT+Til+OT+Sh+Te+Apr+Azi+My	1	1	2.9
21	Ba+Pen+Amp+Sm+Kn+Neo+Gen+Ery+Dx+Bt+Nor+Ax+FFC+Enro+EFT+Til+OT+Sh+Te+Apr+My	2	1	5.9
	Ba+Pen+Amp+Sm+Kn+Neo+Gen+Ery+Dx+Bt+Nor+Ax+FFC+Enro+Til+OT+Sh+Te+Apr+Azi+Lmy		1	
22	Ba+Pen+Amp+AMC+Sm+Kn+Neo+Ery+Dx+Bt+Nor+Ax+FFC+Enro+EFT+Til+OT+Sh+Te+Apr+Azi+My	2	1	5.9
	Ba+Pen+Amp+AMC+Sm+Kn+Neo+Gen+Ery+Dx+Bt+Nor+Ax+FFC+Enro+Til+OT+Sh+Te+Azi+My+Tyl		1	
TỔNG		34	34	100%



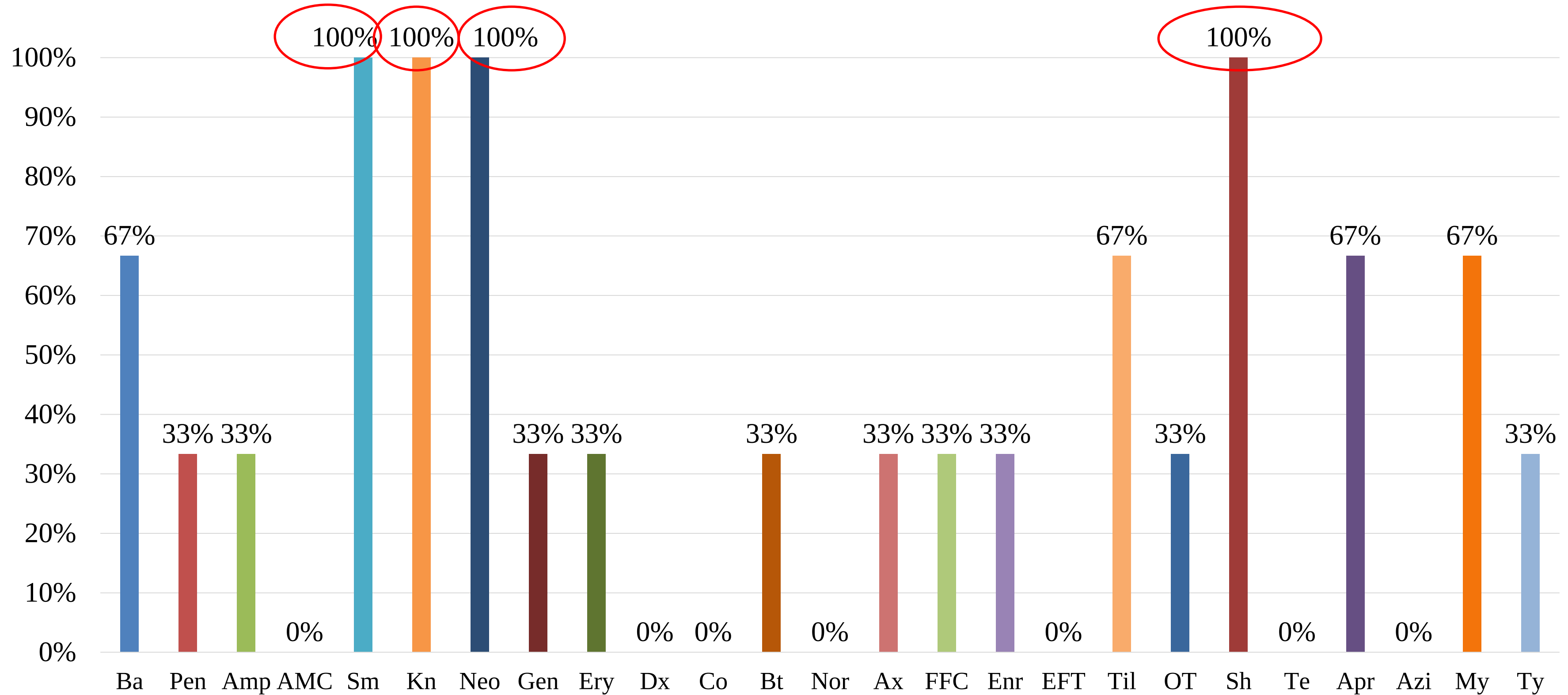
Tỷ lệ đề kháng sinh của *Haemophilus parasuis* trên heo



Kiểu kháng đa kháng sinh của *Haemophilus parasuis* trên heo

Kiểu kháng đa kháng sinh của <i>Haemophilus parasuis</i> trên heo				
Số kháng sinh đa kháng	Kiểu hình đa kháng	Số kiểu đa kháng	Số chủng đề kháng	Tỉ lệ (%)
2	OT+Te	1	1	25.0
3	Sm+OT+Sh	1	1	25.0
12	Ba+Pen+Sm+Kn+Neo+Dx+Bt+FFC+OT+Te+Apr+My	1	1	25.0
13	Ba+Sm+Ery+Nor+Enro+Til+OT+Sh+Te+Apr+Azi+My+Tyl	1	1	25.0
Tổng		4	4	100%

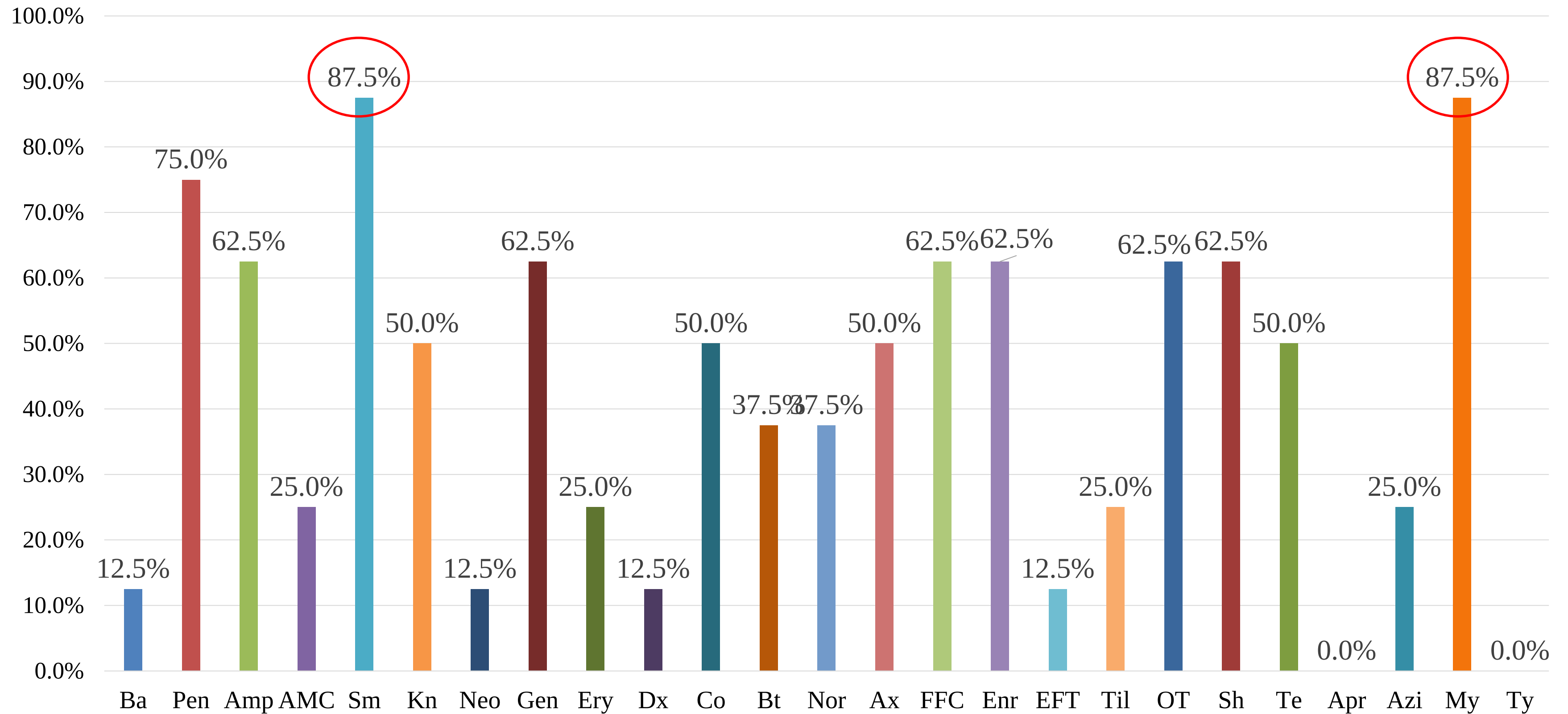
Tỷ lệ đề kháng kháng sinh của *Pasteurella multocida* trên heo



Kiểu kháng đa kháng sinh của *Pasteurella multocida* trên heo

Kiểu kháng đa kháng sinh của <i>Pasteurella multocida</i> trên heo					
Số kháng sinh đa kháng	Kiểu hình đa kháng	Số kiểu đa kháng	Số chủng đề kháng	Tỉ lệ (%)	
6	Ba+Sm+Kn+Ne+Sh+My	1	1	33.3	
9	Ba+Sm+Kn+Neo+Gen+Bt+Til+Sh+Apr	1	1	33.3	
15	Pen+Amp+Sm+Kn+Neo+Ery+Ax+FFC+Enr+Til+OT+Sh+Apr+My+Tyl	1	1	33.3	
Tổng		3	3	100%	

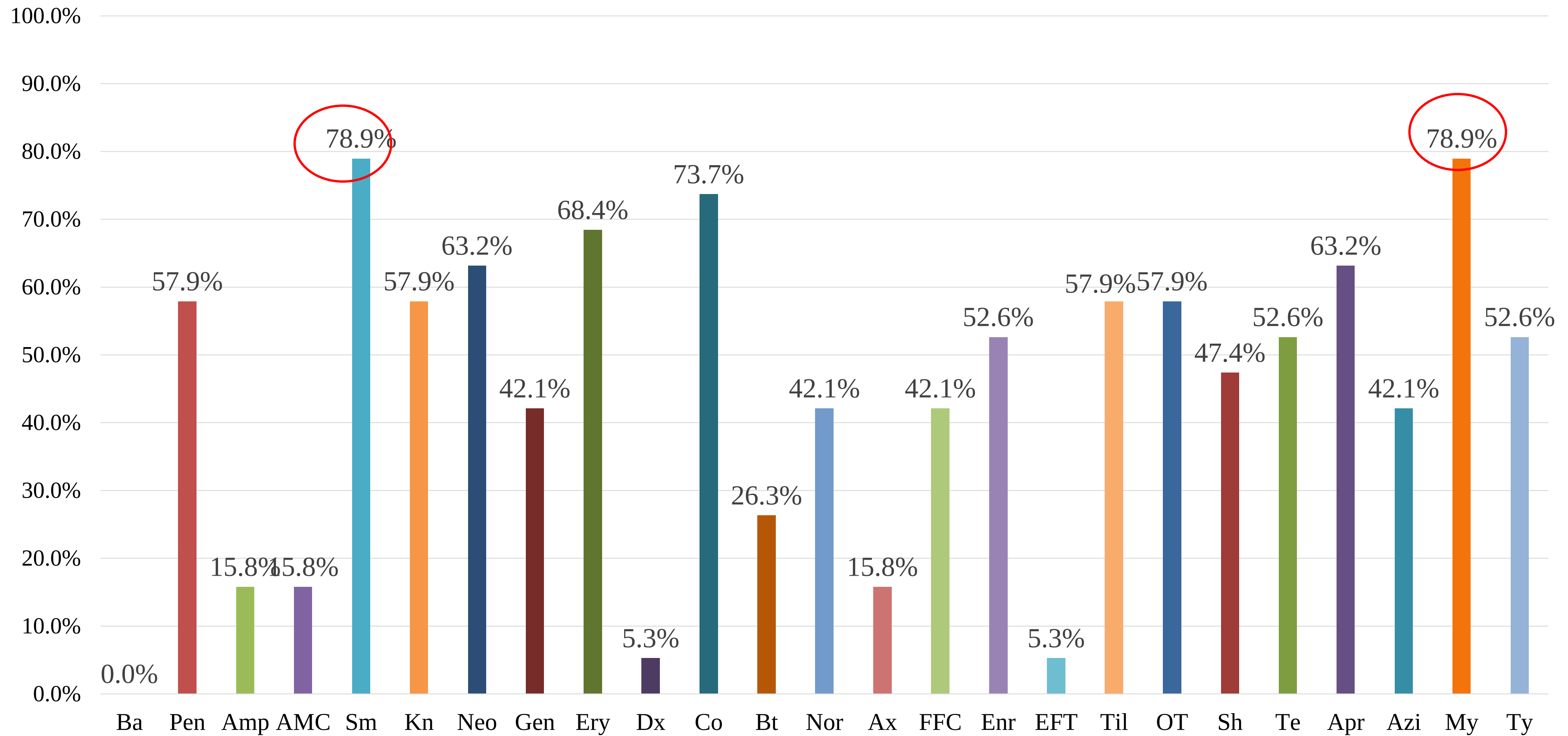
Tỷ lệ đề kháng kháng sinh của *Staphylococcus spp.* trên heo



Kiểu kháng đa kháng sinh của *Staphylococcus spp.* trên heo

Kiểu kháng đa kháng sinh của <i>Staphylococcus spp.</i> trên heo					
Số kháng sinh đa kháng	Kiểu hình đa kháng	Số kiểu đa kháng	Số chủng đề kháng	Tỉ lệ (%)	
2	Sm+Sh	1	1	12.5	
6	Ba+Sm+Kn+Neo+Sh+My	1	1	12.5	
9	Pen+AMC+Sm+Ax+FFC+Enr+Til+Te+My	1	1	12.5	
	Pen+Amp+AMC+Gen+FFC+Enr+EFT+OT+My	1	1	12.5	
10	Pen+Amp+Sm+Gen+Ery+Dx+Co+OT+Azi+My	1	1	12.5	
15	Pen+Amp+Sm+Kn+Gen+Co+Bt+Nor+Ax+FFC+Enr+OT+Sh+Te+My	1	1	12.5	
	Pen+Amp+Sm+Kn+Gen+Co+Bt+Nor+Ax+FFC+EFT+OT+Sh+Te+My	1	1	12.5	
18	Pen+Amp+Sm+Kn+Gen+Ery+Co+Bt+Nor+Ax+FFC+Enr+Til+OT+Sh+Te+Azi+My	1	1	12.5	
Tổng		8	8	100%	

Tỷ lệ đề kháng sinh của *Streptococcus spp.* trên heo

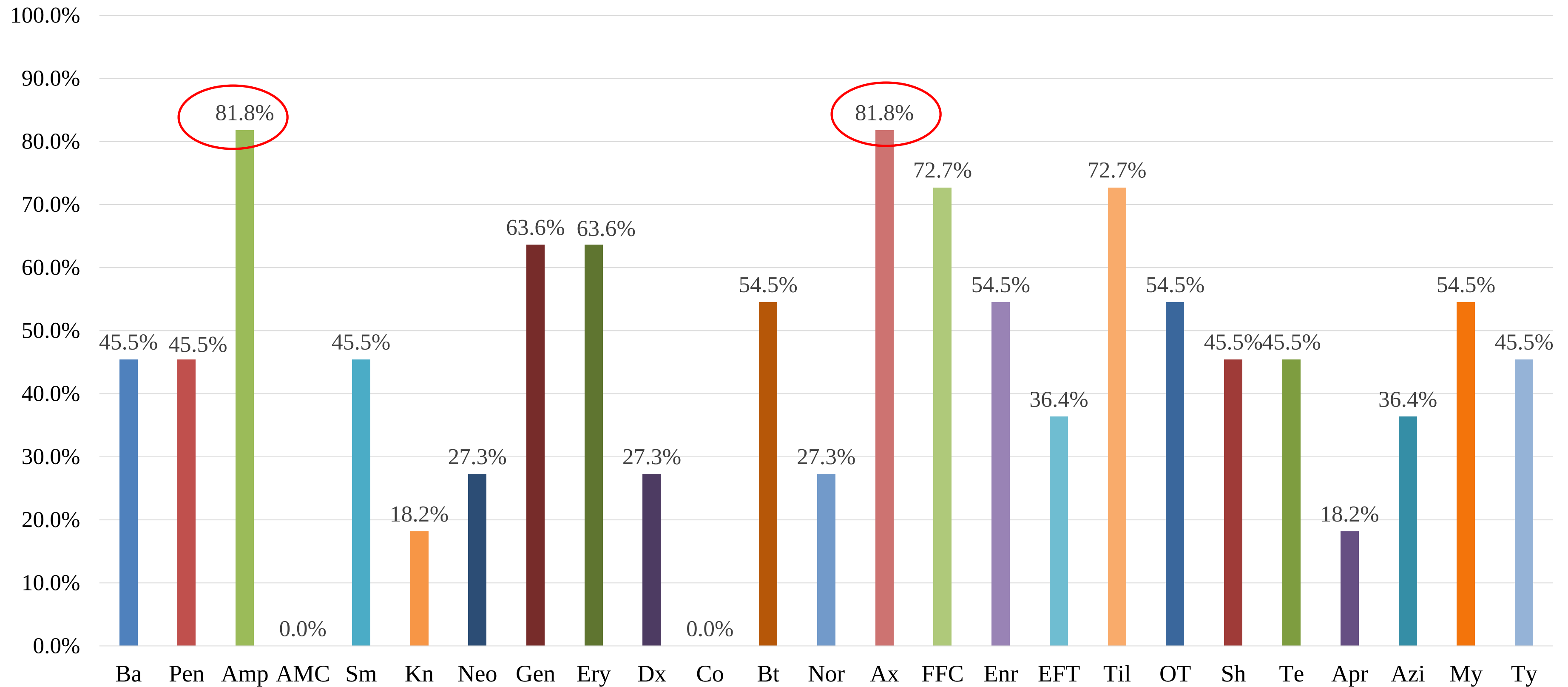


Kiểu kháng đa kháng sinh của <i>Streptococcus spp.</i> trên heo					
Số kháng sinh đa kháng	Kiểu hình đa kháng	Số kiểu đa kháng	Số chủng đề kháng	Tỉ lệ (%)	
2	Sm+Sh	1	1	5.3	
4	Sm+Co+OT+My	1	1	5.3	
6	Pen+Sm+Kn+Gen+OT+Sh	2	1	5.3	
	Co+Enr+Til+Azi+My+Tyl		1	5.3	
7	AMC+Gen+Co+Nor+Ax+OT+Te	2	1	5.3	
	Pen+Ery+Co+Nor+Enr+Apr+My		1	5.3	
8	Sm+Kn+Neo+Ery+Co+Til+Te+Apr	1	1	5.3	
10	Pen+Gen+Ery+Co+Nor+FFC+Enr+OT+Apr+My	1	1	5.3	
11	Pen+Sm+Kn+Neo+Ery+FFC+Enro+Til+Apr+My+Tyl	1	3	15.8	
12	Pen+Sm+Neo+Dx+Co+Bt+Nor+OT+Sh+Te+Apr+My	2	1	5.3	
	Sm+Kn+Neo+Ery+Co+Til+Sh+Te+Apr+Azi+My+Tyl		1	5.3	
14	Pen+Amp+Sm+Neo+Ery+Co+Bt+Til+OT+Te+Apr+Azi+My+Tyl	1	1	5.3	
16	Sm+Kn+Neo+Gen+Ery+Co+Bt+Nor+FFC+Enr+OT+Sh+Te+Azi+My+Tyl	2	1	5.3	
	Sm+Kn+Neo+Gen+Ery+Co+Bt+Nor+Enr+Til+OT+Sh+Te+Azi+My+Tyl		1	5.3	
17	Pen+Sm+Kn+Ne+Gen+Ery+Co+Bt+FFC+Til+OT+Sh+Te+Apr+Azi+My+Tyl	1	1	5.3	
20	Pen+Amp+AMC+Sm+Kn+Neo+Gen+Ery+Co+Nor+Ax+FFC+Enr+Til+OT+Sh+Te+Apr+Azi+My	1	1	5.3	
22	Pen+Amp+AMC+Sm+Kn+Neo+Gen+Ery+Co+Nor+Ax+FFC+Enr+EFT+Til+OT+Sh+Te+Apr+Azi+My+Tyl	1	1	5.3	
Tổng		17	19	100%	



ĐỀ KHÁNG KHÁNG SINH CỦA VI KHUẨN TRÊN GIA CẨM

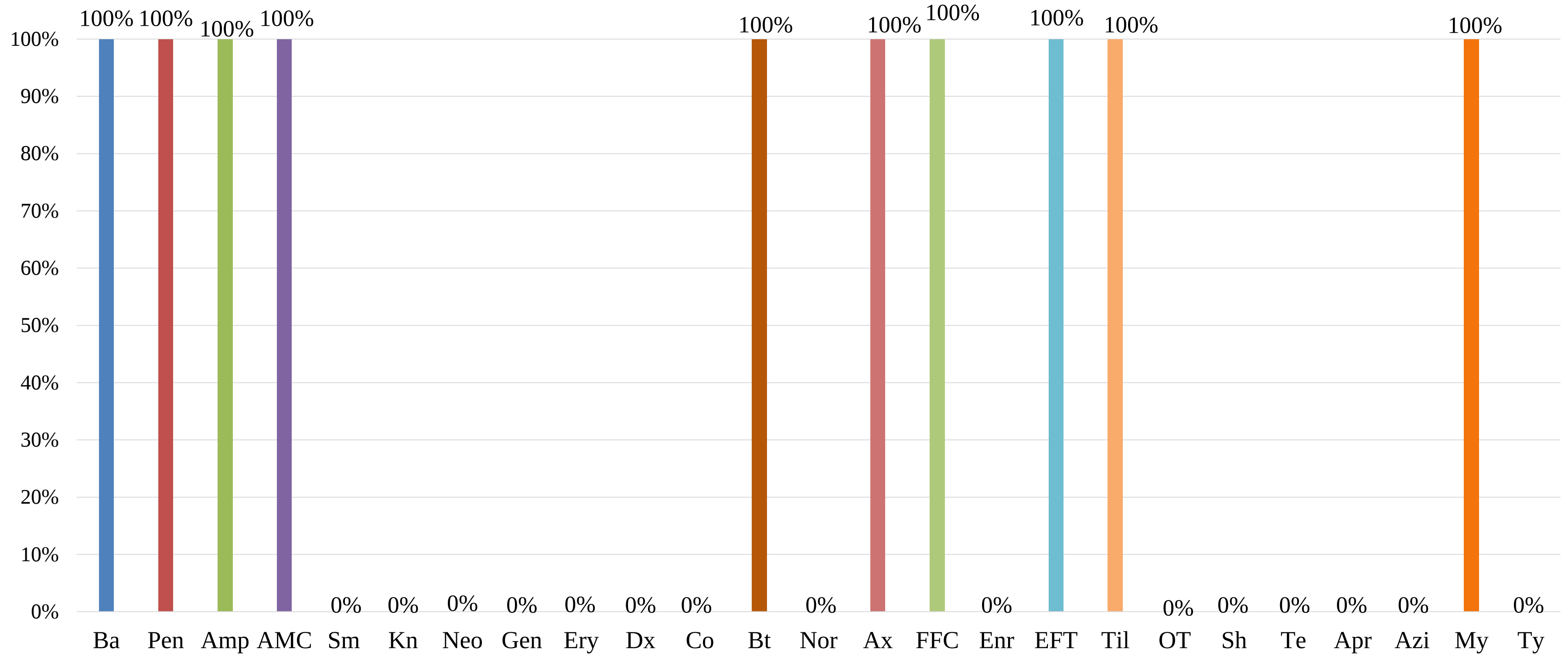
Tỷ lệ đề kháng sinh của *E.coli* trên gia cầm



Kiểu kháng đa kháng sinh của *E.coli* trên gia cầm

Số kháng sinh đa kháng	Kiểu hình đa kháng	Số kiểu đa kháng	Số chủng đề kháng	Tỉ lệ (%)
6	Amp+Sm+Dx+Ax+FFC+Sh	2	1	18.2
	Amp+Gen+Ax+FFC+Enr+Te		1	
9	Ba+Pen+Amp+Gen+Ery+Ax+Til+OT+Te	2	1	18.2
	Amp+Gen+Ery+Bt+Ax+FFC+Enr+EFT+Te		1	
10	Ba+Pen+Amp+Gen+Ery+Bt+Ax+FFC+Til+OT	1	1	9.1
11	Ba+Pen+Sm+Kn+Ne+Ery+Til+Sh+Apr+My+Tyl	1	1	9.1
12	Ba+Pen+Sm+Ne+Ery+Dx+Til+Sh+Apr+Azi+My+Tyl	2	1	18.2
	AMC+Bt+Nor+Ax+FFC+Enr+EFT+Til+OT+Azi+My+Tyl		1	
13	Amp+Gen+Bt+Nor+Ax+FFC+Enr+EFT+Til+OT+Azi+My+Tyl	1	1	9.1
16	Amp+Sm+Gen+Ery+Bt+Nor+Ax+FFC+Enr+EFT+Til+OT+Sh+Te+My+Tyl	1	1	9.1
19	Ba+Pen+Amp+Sm+Kn+Ne+Gen+Ery+Dx+Bt+Ax+FFC+Enr+Til+OT+Sh+Te+Azi+My	1	1	9.1
	Tổng	11	11	100%

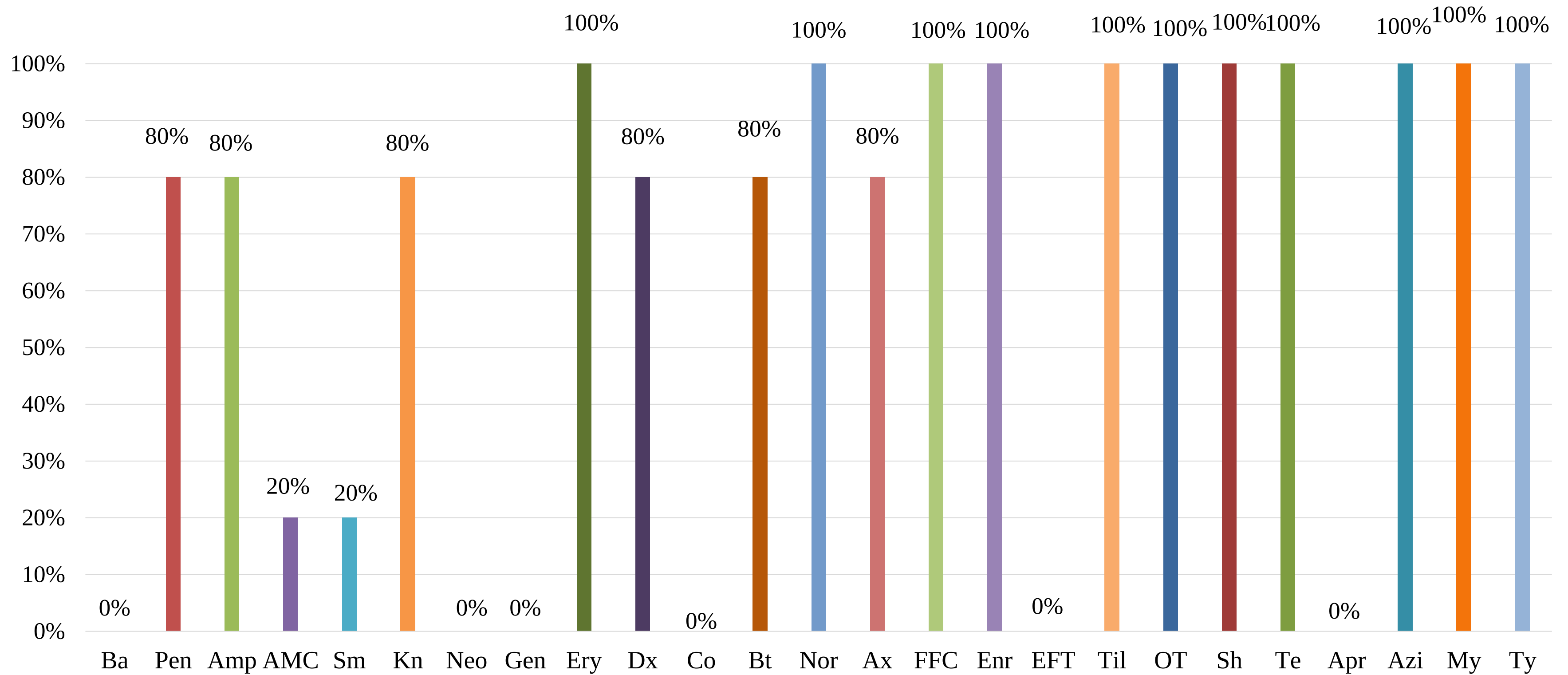
Tỷ lệ đề kháng kháng sinh của *Pasteurella multocida* trên gia cầm



Kiểu kháng đa kháng sinh của *Pasteurella multocida* trên gia cầm

Kiểu kháng đa kháng sinh của <i>Pasteurella multocida</i> trên gia cầm				
Số kháng sinh đa kháng	Kiểu hình đa kháng	Số kiểu đa kháng	Số chủng đề kháng	Tỉ lệ (%)
10	Ba+Pen+Amp+AMC+Bt+Ax+FFC+EFT+Til+My	1	1	100
	Tổng	1	1	100%

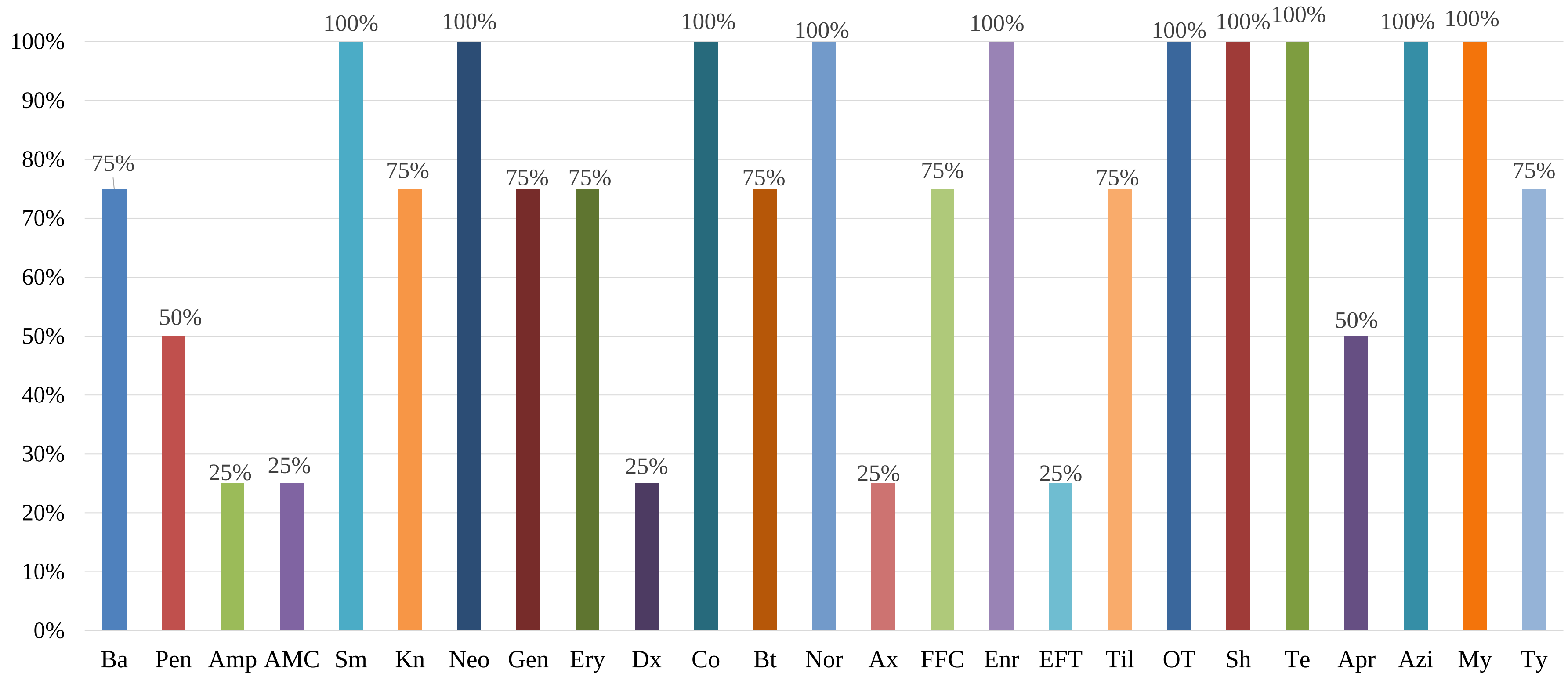
Tỷ lệ đề kháng sinh của *Staphylococcus spp.* trên gia cầm



Kiểu kháng đa kháng sinh của *Staphylococcus spp.* trên gia cầm

Kiểu kháng đa kháng sinh của <i>Staphylococcus spp.</i> trên gia cầm				
Số kháng sinh đa kháng	Kiểu hình đa kháng	Số kiểu đa kháng	Số chủng đề kháng	Tỉ lệ (%)
13	Ery+Dx+Bt+Nor+FFC+Enr+Til+OT+Sh+Te+Azi+My+Tyl	1	1	20.0
15	Pen+Amp+Kn+Ery+Nor+Ax+FFC+Enr+Til+OT+Sh+Te+Azi+My+Tyl	1	1	20.0
17	Pen+Amp+Kn+Ery+Dx+Bt+Nor+Ax+FFC+Enr+Til+OT+Sh+Te+Azi+My+Tyl	1	1	20.0
18	Pen+Amp+AMC+Kn+Ery+Dx+Bt+Nor+Ax+FFC+Enr+Til+OT+Sh+Te+Azi+My+Tyl	2	1	40.0
	Pen+Amp+Sm+Kn+Ery+Dx+Bt+Nor+Ax+FFC+Enr+Til+OT+Sh+Te+Azi+My+Tyl		1	
	Tổng	5	5	100%

Tỷ lệ đề kháng sinh của *Streptococcus spp.* trên gia cầm



Kiểu kháng đa kháng sinh của *Streptococcus spp.* trên gia cầm

Kiểu kháng đa kháng sinh của <i>Streptococcus spp.</i> trên gia cầm				
Số kháng sinh đa kháng	Kiểu hình đa kháng	Số kiểu đa kháng	Số chủng đề kháng	Tỉ lệ (%)
16	Sm+Kn+Neo+Gen+Ery+Co+Bt+Nor+FFC+Enr+OT+Sh+Te+Azi+My+Tyl	1	1	25.0
17	Ba+Pen+Sm+Neo+Dx+Co+Bt+Nor+FFC+Enr+Til+OT+Sh+Te+Apr+Azi+My	2	1	50.0
	Ba+Sm+Kn+Neo+Gen+Ery+Co+Bt+Nor+Enr+Til+OT+Sh+Te+Azi+My+Tyl		1	
23	Ba+Pen+Amp+AMC+Sm+Kn+Neo+Gen+Ery+Co+Nor+Ax+FFC+Enr+EFT+Til+O T+Sh+Te+Apr+Azi+My+Tyl	1	1	25.0
	Tổng	4	4	100%

KẾT LUẬN

TRÊN HEO

01 *Mycoplasma suis*

- Vẫn là tác nhân hiện diện nhiều nhất trong nhóm vi khuẩn, qua các năm 2024, 2025.

02 *E.coli* gây phù

- Có sự xuất hiện tương đối nhiều mẫu (+) so với báo cáo trong 2024.

03 Nhiễm ghép

- *Haemophilus parasuis* + *Streptococcus suis*
- *Haemophilus parasuis* + *Pasteurella multocida*
- *Haemophilus parasuis* + *Streptococcus suis* + *E.coli* gây phù

TRÊN GIA CẦM

01 *E.coli, Coryza, MS*

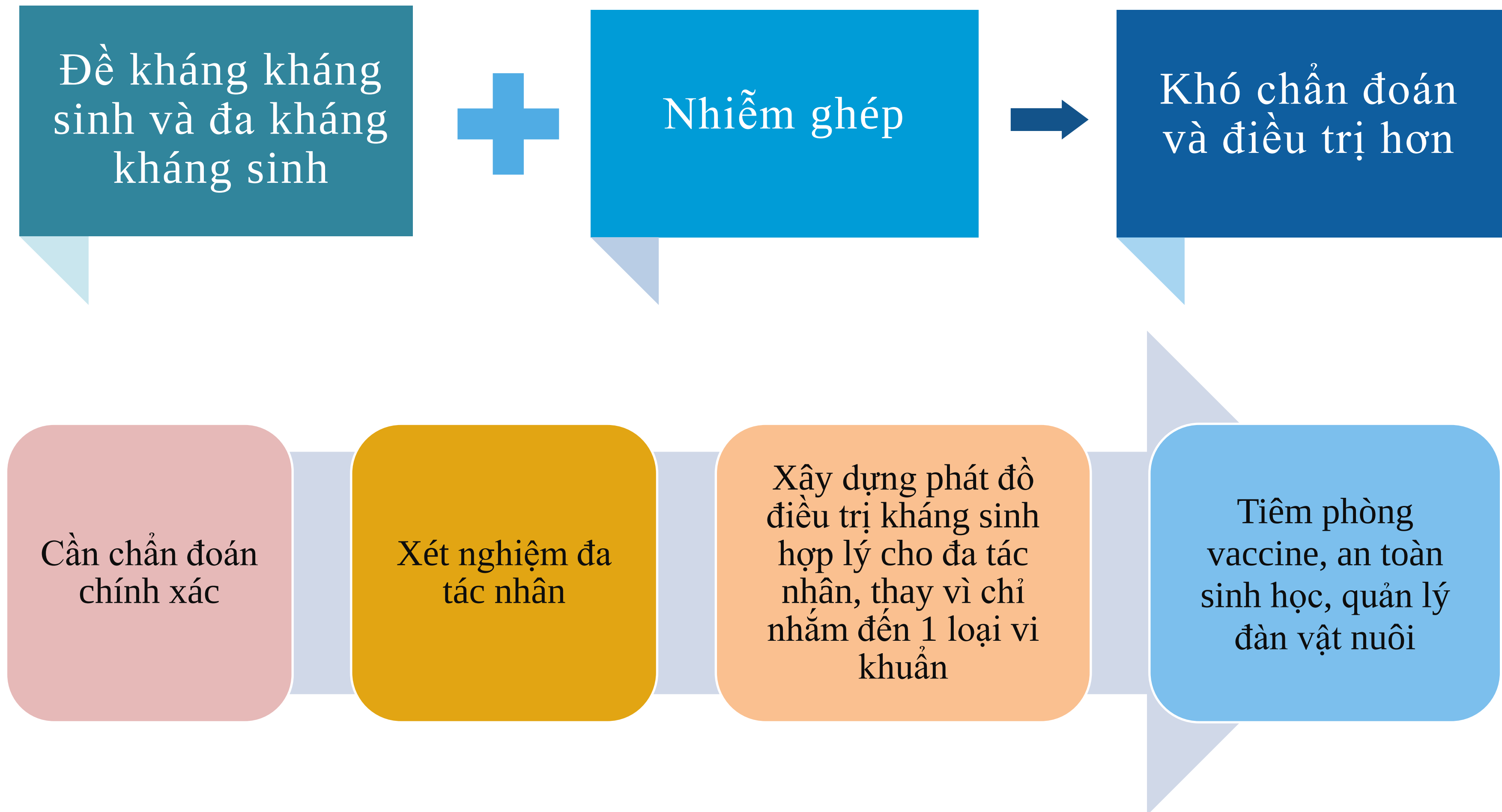
- Vẫn là những tác nhân hiện diện nhiều nhất trong nhóm vi khuẩn năm 2024, 2025.

02 *Leucocytozoon* spp.

- Có sự xuất hiện mẫu (+) trong 2025, so với 2024 không có phát hiện.

03 Nhiễm ghép

- *E.coli* + *Streptococcus spp.* + *Staphylococcus spp.*
- *Streptococcus spp.* + *Staphylococcus spp.*





**Chân thành cảm ơn!
Kính chúc sức khỏe,
an lành và thành công.**

HỘI THẢO - 2025

- SĐT: 028 6675 2679
- Mail: pylab2021@gmail.com
- [Https://pylab.vn](https://pylab.vn)

